



THÔNG TIN

Khoa học & Công nghệ

Bản tin

Số 03-2011 (73)

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG - 35 TRẦN HƯNG ĐẠO - ĐÀ LẠT - ĐT: 063.3821377



- Chất lượng dịch vụ hành chính công tại thành phố Đà Lạt dưới góc nhìn của người dân
- Nâng cao năng suất và chất lượng tại các doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng
- Giải pháp cho rau Lâm Đồng vượt qua rào cản thương mại
- Quản lý và sử dụng nhãn hiệu rau Đà Lạt



Thông tin

Khoa học & công nghệ

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG

Số 03.2011

TRONG SỐ NÀY

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN MINH TÂM

Biên tập:

NGÔ ĐÌNH VĂN CHÂU

HUỲNH THANH MAI

NGUYỄN THANH NHÀN

Trình bày:

NGUYỄN HỮU THANH TUỆ

Ảnh bìa 1:

Lễ khai mạc Chợ Công nghệ và Thiết bị vùng Nam Trung Bộ - Tây Nguyên năm 2011



- 1 **Cao Duy Hoàng** - Chất lượng dịch vụ hành chính công tại thành phố Đà Lạt dưới góc nhìn của người dân
- 5 Giới thiệu Mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng
- 7 **Nguyễn Tú Uyên** - Nâng cao năng suất và chất lượng tại các doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng
- 10 **Dương Ngọc Đức** - Quản lý và sử dụng nhãn hiệu Rau Đà Lạt
- 13 **Hoàng Thị Cẩm Tú** - Giải thưởng chất lượng quốc gia
- 15 **Dương Thị Lệ Quyên** - Việc triển khai áp dụng ISO 9000 trong doanh nghiệp tại tỉnh Lâm Đồng
- 17 Giới thiệu Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học và công nghệ của tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2011-2015
- 19 **Nguyễn Thị Đỗ Quyên** - Giải pháp cho rau Lâm Đồng vượt qua rào cản thương mại
- 21 **Lê Xuân Phúc** - Đẩy mạnh triển khai việc áp dụng hệ thống QLCL vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước
- 22 **Hồ Quốc Thanh** - Hoạt động kiểm tra về tiêu chuẩn đo lường chất lượng 6 tháng đầu năm 2011
- 23 Giải pháp phát triển bền vững lúa, gạo Cát Tiên
- 25 **Quản Hành Quân** - Hoạt động chứng nhận VietGAP tại Lâm Đồng
- 27 Đánh giá hoạt động cải cách hành chính hiện nay, giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả cải cách hành chính trong 5 năm tới
- 29 Bảo tàng Lâm Đồng, ký ức Nam Tây Nguyên
- 31 **Nguyễn Thọ Biên** - Những cây hoa làm thuốc
- 32 Tin hoạt động Khoa học & Công nghệ

Giấy phép xuất bản số 17/GPXB-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông Lâm Đồng cấp ngày 23.12.2010.

Sắp chũ tại Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng. In tại XI nghiệp Bản đồ Đà Lạt. Số lượng: 700 bản. In xong và nộp lưu chiểu tháng 8.2011

CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT DƯỚI GÓC NHÌN CỦA NGƯỜI DÂN

CAO DUY HOÀNG

Chất lượng của dịch vụ và dịch vụ hành chính công

Dịch vụ được hiểu là một quá trình tương tác giữa nhà cung cấp dịch vụ và khách hàng, mục đích của việc tương tác này nhằm thỏa mãn nhu cầu và mong muốn của khách hàng theo cách khách hàng mong đợi cũng như tạo ra giá trị cho khách hàng. Dịch vụ là quá trình có mức độ vô hình cao, không lưu trữ được, không bán lại và trả lại được¹.

Đối với các sản phẩm dịch vụ, chất lượng dịch vụ đôi khi mang tính chất vô hình rất khó nhận biết. Chất lượng là một hàm của nhận thức khách hàng. Nói cách khác, chất lượng của dịch vụ được xác định dựa vào nhận thức hay cảm nhận của khách hàng liên quan đến nhu cầu cá nhân của họ². Chất lượng của dịch vụ hành chính công³ cũng không nằm ngoài những đặc tính chung đó.

Trong lĩnh vực quản lý nhà nước, đã có nhiều cơ quan hành chính ở nhiều địa phương trên cả nước áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000 với mục tiêu xây dựng một quy trình xử lý công việc khoa học, hợp lý, nhằm nâng cao chất lượng của công tác quản lý và cung cấp dịch vụ hành chính, phục vụ ngày càng tốt hơn cho nhu cầu của công dân và tổ chức.

Chất lượng dịch vụ hành chính công tại Đà Lạt

Trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, theo *Báo*

cáo tổng kết việc thực hiện ISO 9000:2000 trong lĩnh vực hành chính công giai đoạn 2006 – 2010 của Sở Khoa học và Công nghệ, hầu hết UBND các huyện, thành phố và các sở, ngành (trên 50 đơn vị) đã ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO đối với một số dịch vụ hành chính thông qua việc hình thành Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả. Qua nghiên cứu các báo cáo tổng kết hàng năm ở một số UBND huyện, thành phố cho thấy việc đánh giá chủ yếu dựa trên khối lượng công việc đạt được, tỉ lệ các hồ sơ đúng hạn và trễ hạn, những nguyên nhân ảnh hưởng,... nhưng việc đề cập đến khía cạnh chất lượng của dịch vụ chưa cụ thể. Mặt khác, phương pháp thu thập ý kiến của khách hàng (người dân) về chất lượng dịch vụ cũng còn rất đơn giản.

Được sự hỗ trợ của UBND thành phố Đà Lạt, người viết bài này đã có dịp thực hiện một nghiên cứu qua khảo sát 314 cá nhân và tổ chức trên địa bàn thành phố Đà Lạt về cảm nhận của người dân đối với chất lượng dịch vụ hành chính công trên 5 lĩnh vực: cấp phép xây dựng, đăng ký kinh doanh, chuyển quyền sử dụng đất, đăng ký khai sinh và đăng ký lao động. Mục đích của nghiên cứu nhằm kiểm định mô hình các nhân tố của chất lượng dịch vụ hành chính công có tác động như thế nào đến sự hài lòng của người dân. Nghiên cứu này dựa trên thang đo SERVPERF⁴, tham khảo một số nghiên cứu của các tác

⁽¹⁾ Zeithaml, Valarie A. & Mary Jo Bitner, *Services Marketing*, New York: McGraw Hill, second edition. 2000.

⁽²⁾ Bùi Nguyễn Hùng – Nguyễn Thuý Quỳnh Loan, *Quản lý Chất lượng*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2004.

⁽³⁾ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước định nghĩa: "Dịch vụ hành chính công là những dịch vụ liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật, không nhằm mục tiêu lợi nhuận, do cơ quan nhà nước (hoặc tổ chức, doanh nghiệp được ủy quyền) có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân dưới hình thức các loại giấy tờ có giá trị pháp lý trong các lĩnh vực mà cơ quan nhà nước đó quản lý".

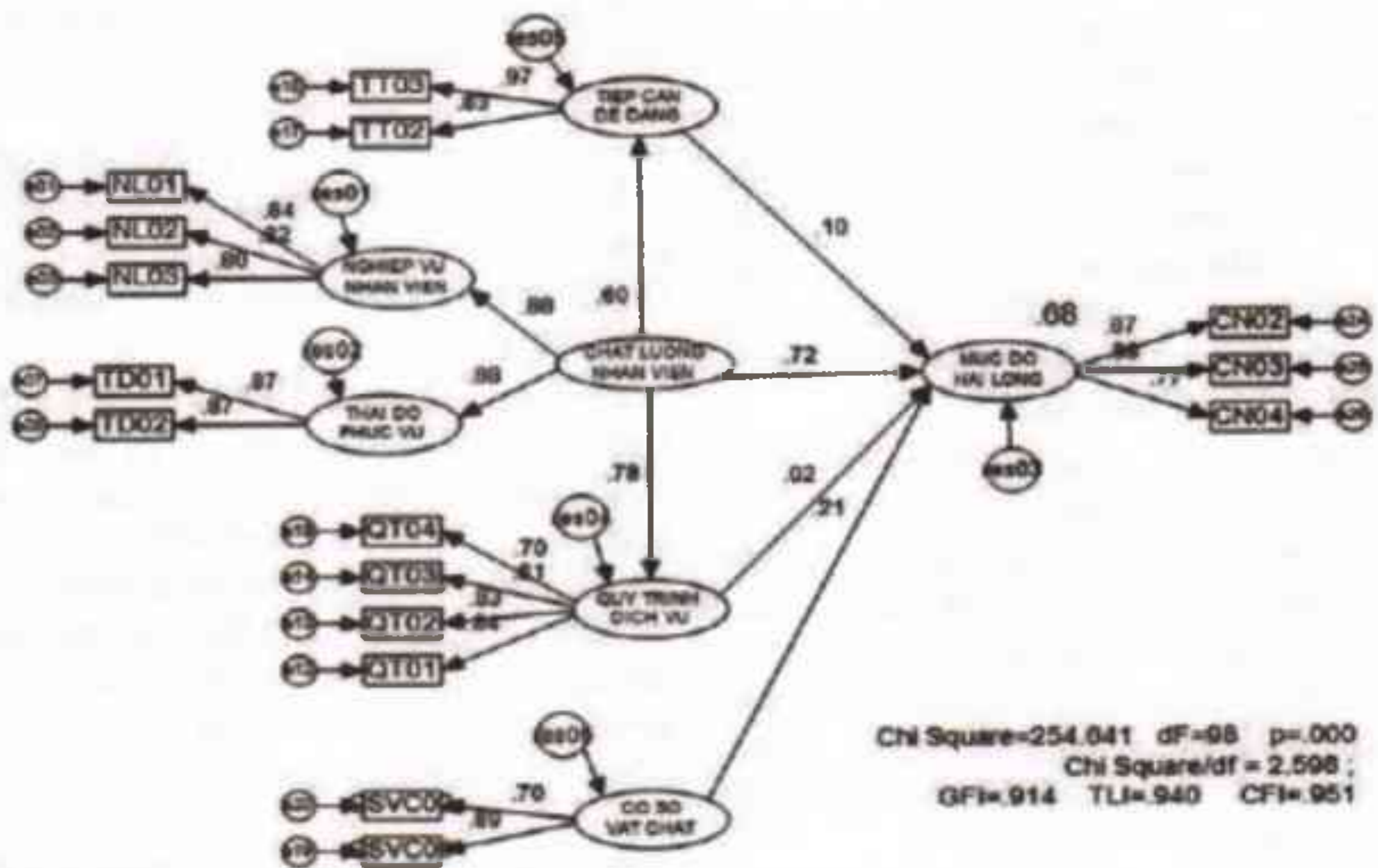
⁽⁴⁾ Thang đo SERVPERF là 1 trong những công cụ chủ yếu của marketing dịch vụ, được các tác giả Cronin & Taylor (1992) đưa ra để sử dụng đo lường cảm nhận của khách hàng về chất lượng dịch vụ.

già Đại học Leon (Tây Ban Nha) và Đại học Bourmemouth (Anh quốc) và vận dụng vào thực tiễn của Việt Nam bằng nghiên cứu định tính thông qua việc thảo luận với một số chuyên gia trong lĩnh vực quản lý hành chính và một số cá nhân, tổ chức.

Thang đo được thiết kế gồm 33 biến quan sát, sử dụng thang đo Likert với 5 điểm: hoàn toàn không đồng ý, không đồng ý, bình thường, đồng ý, hoàn toàn đồng ý. Trong 314 mẫu được khảo sát có 268 (85,4%) là cá nhân, 46 (14,6%) là tổ chức (doanh nghiệp). Mẫu thu thập cho lĩnh vực cấp phép xây dựng: 93 (29,6%); đăng ký kinh doanh: 73 (23,2%); chuyên quyền sử dụng đất: 61 (19,4%); đăng ký khai sinh: 41 (13,1%) và đăng ký lao

động: 46 (14,6%). Mẫu cũng được lựa chọn theo phương pháp phân hạn ngạch để có đủ các đại diện của các vùng (nội thành, ngoại thành), lĩnh vực giao dịch, giới tính, nghề nghiệp, tuổi tác,...

Việc phân tích, xử lý dữ liệu thu thập được thực hiện trên cơ sở ứng dụng lý thuyết mô hình cấu trúc tuyến tính SEM (Structural Equation Modeling) và sử dụng các phần mềm chuyên dùng xử lý thống kê như SPSS (Statistical Package for the Social Sciences) và AMOS (Analysis of Moment Structures). Các kết quả kiểm định về giá trị hội tụ, giá trị phân biệt, độ tin cậy tổng hợp, phương sai trích đều đạt yêu cầu. Như vậy, mô hình được xem là phù hợp với dữ liệu thị trường.



Mô hình lý thuyết dạng chuẩn hóa

Kết quả thống kê cho thấy mức độ cảm nhận về các biến quan sát chung quanh chất lượng dịch vụ hành chính công của người dân thành phố Đà Lạt ở mức trung bình, không có biến quan sát nào đạt trên mức 4 (mức “đồng ý”). Biến được đánh giá cao nhất là “Địa điểm giao dịch sạch sẽ” và “Địa điểm giao dịch thuận tiện” có mức đánh giá trung bình là 3,93. Biến được đánh giá thấp nhất là “Giao tiếp từ xa” chỉ đạt trung bình là 2,90.

Nhìn chung, mức độ hài lòng của người dân cũng chỉ đạt trên mức trung bình, thể hiện ở các tiêu chí như sau: “Cảm thấy hài lòng” đạt 3,57; “Cảm thấy tự tin và yên tâm khi đến giao dịch” đạt 3,53; “Không phàn nàn về chất lượng dịch vụ hành chính công” đạt 3,51 và yếu tố cho rằng “Chất lượng dịch vụ hành chính công ở Đà Lạt tốt hơn những nơi khác” đạt 3,41.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy thành phần “Chất lượng nhân viên” có ảnh hưởng quan trọng đến các thành phần “Quy trình dịch vụ” cũng như “Tiếp cận dễ dàng” và tác động mạnh đến sự hài lòng của người dân. Thành phần “Cơ sở vật chất” tuy có ảnh hưởng thấp hơn nhưng cũng là một yếu tố góp phần cấu thành chất lượng của dịch vụ hành chính công.

Yếu tố quyết định chất lượng dịch vụ hành chính công

Thành phần “Chất lượng nhân viên” có ảnh hưởng quan trọng đến “Quy trình dịch vụ” và sự “Tiếp cận dễ dàng” với trọng số chuẩn hóa lần lượt là 0.778 và 0.599 ($p\text{-value} = 0.000$). Thành phần “Chất lượng nhân viên” cũng có ảnh hưởng mạnh đến “Mức độ hài lòng” (0.72). Hai kết quả này một lần nữa khẳng định vai trò quan trọng của nhân tố “con người” trong toàn bộ hoạt động để đạt được chất dịch vụ nói chung và chất lượng dịch vụ hành chính công nói riêng.

Những năm qua, hoạt động cải cách hành chính ở thành phố Đà Lạt đã có quan tâm đến công tác đào tạo, huấn luyện nhân viên đáp ứng cho việc triển khai các dịch vụ hành chính công. Tuy nhiên, qua khảo sát, các biến quan sát liên quan đến nhân viên trực tiếp thụ lý hồ sơ của người dân đạt thấp hơn những yếu tố khác, có mức độ từ 3,43 – 3,68. Trong đó, biến thấp nhất là “Nhân viên quan tâm đến nhu cầu chính đáng của người dân” đạt 3,43. Điều này cho thấy người dân chưa thực sự thỏa mãn về năng lực, thái độ làm việc cũng như sự chăm sóc, thân thiện của nhân viên.

Thành phần “Cơ sở vật chất” có ảnh hưởng thấp hơn đến sự hài lòng của người dân với trọng số 0.208 ($p\text{-value}=0.000$). Đối với một ngành dịch vụ, cơ sở vật chất là một yếu tố quan trọng tạo ấn tượng cho khách hàng khi tiếp xúc lần đầu tiên. Cảm nhận của khách hàng về một nơi làm việc chuyên nghiệp tạo cho họ sự yên tâm về chất lượng dịch vụ và dễ khiến họ quay lại lần thứ hai. Cảm nhận về cơ sở vật chất trong dịch vụ hành chính công cũng không nằm ngoài ý nghĩa đó.

Qua khảo sát, các biến về cơ sở vật chất có cảm nhận trung bình cao hơn những thành phần khác, dao động từ 3,61 đến 3,93. Thực tế cho thấy các địa điểm được quy hoạch làm trụ sở cơ quan hành chính đều được chọn lựa ở những vị trí thuận tiện cho sự đi lại của người dân. Mặt khác, hầu hết trụ sở cơ quan hành chính đã được chỉnh trang, xây dựng mới, do vậy, nơi giao dịch, tiếp công dân được bố trí theo tiêu chuẩn chung nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân. Tuy vậy, điểm trung bình cũng vẫn không vượt qua mức 4, trong đó biến quan sát về “Dây chuyền xử lý công việc” được đánh giá thấp nhất (3,61) chứng tỏ người dân cảm nhận việc bố trí, sắp xếp để xử lý công việc ở các cơ quan hành chính phần nào còn thiếu khoa học.

Tại sao người dân chưa xem “Quy trình dịch vụ” là yếu tố quan trọng?

Kết quả nghiên cứu cho thấy thành phần “Quy trình dịch vụ” có trọng số nhỏ (0.018) và $p\text{-value} > 0.05$ nên không đạt độ tin cậy ở mức 95%. Điều này có thể giải thích: đứng về góc độ cảm nhận của người dân, quy trình dịch vụ là hoạt động ẩn đằng sau sự tương tác, giao tiếp giữa người dân và nhân viên thụ lý hồ sơ. Quy trình dịch vụ do bản thân cơ quan hành chính đề ra và nhân viên thụ lý hồ sơ là người thực hiện quy trình đó, thể hiện ra bên ngoài là phương pháp làm việc, thái độ đối xử, sự hướng dẫn, giúp đỡ,... Vì vậy, bản thân “Quy trình dịch vụ” không dễ cảm nhận được ngay, người dân chỉ cảm nhận được chất lượng hoạt động dịch vụ thông qua sự tương tác, giao tiếp với người nhân viên thụ lý hồ sơ. Nói cách khác, dù cho quy trình, thủ tục có phức tạp, rối rắm, nhưng nếu được sự hướng dẫn tận tình của người nhân viên thì quy trình, thủ tục ấy cũng sẽ trở nên dễ dàng.

Qua khảo sát, các biến liên quan đến quy trình, thủ tục dao động quanh mức từ 3,50 – 3,73. Điều này chứng tỏ thời gian qua, các cơ quan hành chính đã có nhiều cố gắng trong việc chuẩn hóa các quy trình, thủ tục để người dân dễ dàng áp dụng. Tuy nhiên, kết quả đánh giá cũng ở dưới mức 4, cho thấy người dân cũng chưa thực sự hài lòng với cải cách của

các cơ quan hành chính. Việc triển khai thực hiện các thủ tục, quy trình đã công bố cũng chưa đáp ứng được mong đợi của người dân.

Giao dịch từ xa, tại sao không?

Trong lĩnh vực dịch vụ, sự thuận tiện giúp cho khách hàng dễ tiếp cận với dịch vụ và nhờ đó, sản phẩm dịch vụ có điều kiện phát triển. Đối với dịch vụ hành chính công tại thành phố Đà Lạt, hai biến được người dân quan tâm là họ có thể “Giao tiếp dễ dàng với nơi thụ lý hồ sơ qua fax, điện thoại” và họ có thể “Truy cập từ xa để có thể biết được tình trạng xử lý hồ sơ” của họ. Qua khảo sát, cả hai biến đều đạt thấp, trong đó, biến được đánh giá thấp nhất là “Giao tiếp từ xa” chỉ đạt trung bình là 2,90. Điều này cũng dễ hiểu là do phương thức giao dịch qua mạng tại các cơ quan hành chính trong thành phố Đà Lạt chưa phát triển, vì vậy mà người dân chưa thể khai báo thủ tục qua mạng cũng như sau khi nộp hồ sơ xong, người dân không thể truy cập vào trang thông tin điện tử của cơ quan hành chính để biết được tiến độ xử lý hồ sơ của mình.

Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công

Do thời gian có hạn nên nghiên cứu này chỉ mới khảo sát 5 lĩnh vực: cấp phép xây dựng, đăng ký kinh doanh, chuyển quyền sử dụng đất, đăng ký khai sinh và đăng ký lao động. Trong đó, một số lĩnh vực có thủ tục đơn giản như đăng ký khai sinh, đăng ký lao động; thiếu những lĩnh vực khác phức tạp hơn và đang có sự quan tâm nhiều của người dân như giải quyết khiếu nại, thuế,... hoặc những dịch vụ công khác như y tế, công trình công cộng,... nên chưa phản ánh một cách đầy đủ về cảm nhận của người dân đối với dịch vụ hành chính công nói chung ở thành phố Đà Lạt. Do vậy, có thể còn nhiều yếu tố khác tạo nên chất lượng dịch vụ hành chính công mà nghiên cứu chưa đề cập đến.



Có thể nói mục tiêu quan trọng nhất của việc cải cách thủ tục hành chính là nâng cao chất lượng các dịch vụ công đáp ứng sự mong đợi của công dân và tổ chức. Muốn vậy, phải thường xuyên tìm hiểu sự hài lòng của người dân khi họ thực hiện các giao dịch với cơ quan hành chính. Trong hợp tác triển khai dự án *Cải cách hành chính tại Việt Nam*, đại diện của UNDP – Chương trình Phát triển của Liên hiệp quốc - cũng đã nhấn mạnh điều đó với các cơ quan chức năng khi trả lời phỏng vấn của báo Vietnamnet: “... Điều quan trọng là khi cung cấp các dịch vụ công cho người dân, cơ quan chức năng phải luôn chủ động hỏi xem người dân cảm thấy hài lòng ra sao về dịch vụ hành chính được cung cấp. Muốn biết thủ tục hành chính công có hiệu quả, thân thiện, đơn giản hay không thì các cơ quan công quyền cần tạo kênh phản hồi để người sử dụng dịch vụ được phản ánh quan điểm của họ về chất lượng dịch vụ hành chính công”⁽⁵⁾.

Hiện nay trên thế giới, một số nước đang có xu hướng triển khai việc “xếp hạng chất lượng dịch vụ của chính quyền địa phương” gọi là chương trình Municipal Scorecard⁽⁶⁾. Đây là một hướng cũng cần được nghiên cứu để áp dụng vào việc thực thi đảm bảo chất lượng dịch vụ công của các cơ quan hành chính nhà nước trong tiến trình cải cách thủ tục hành chính.■

(5) Xuân Linh, *Chủ động hỏi dân để biết chất lượng của dịch vụ công* - Vietnamnet, thứ Năm, 03/9/2009, <http://vietnamnet.vn/chinhtri/2009/09/866627/>

(6) Trần Ngọc Anh, *Xếp hạng cơ quan nhà nước, nhận dạng nơi những nhiễu* - Vietnamnet, thứ Tư, 16/9/2009, <http://www.vietnamnet.vn/chinhtri/2009/09/868754/>

Giới thiệu

MÔ HÌNH KHUNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Trong những năm vừa qua, Chính phủ đã có nhiều nỗ lực để đẩy mạnh quá trình cải cách hành chính nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước như ban hành một loạt quyết định liên quan đến việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (QLCL), phê duyệt đề án đơn giản hóa thủ tục hành chính trên lĩnh vực quản lý nhà nước.

Để kết nối các chương trình, kế hoạch về xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý nhà nước, đồng thời thúc đẩy hơn nữa quá trình cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 118/2009/QĐ-TTg ngày 30/9/2009 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 144/2006/QĐ-TTg. Theo đó, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) có trách nhiệm xây dựng Mô hình khung hệ thống QLCL cho từng loại hình cơ quan hành chính tại địa phương; các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có hệ thống cơ quan ngành dọc đóng tại địa phương xây dựng Mô hình khung cho từng loại hình cơ quan ngành dọc đóng tại địa phương. Theo đó, ngày 29/12/2010, Bộ KH&CN đã ban hành Quyết định số 2968/QĐ-BKH&CN về công bố Mô hình khung cho các loại hình cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương.

Việc áp dụng hệ thống QLCL trong các cơ quan hành chính nhà nước theo mô hình khung tạo điều kiện thuận lợi khi phối hợp giải quyết công việc giữa các bộ phận, cơ quan với khách hàng một cách nhanh chóng, thuận tiện; các thủ tục hành chính, các khoản thu, mức thu phí, lệ phí, các loại giấy tờ, hồ sơ cần thiết và thời gian giải quyết được công khai minh bạch,...; trách nhiệm, chức năng nhiệm vụ của cán bộ công chức, các đơn vị được phân công rõ ràng,...; xây dựng được phương pháp làm việc một cách khoa học,

cải tiến quy trình làm việc hiệu quả, rút ngắn được thời gian giải quyết,... Thông qua đó, xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Đồng thời xây dựng bộ máy quản lý nhà nước tinh gọn với đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn hiện nay.

Mô hình khung được kết cấu gồm 3 phần:

Tại phần 1, nêu rõ các cơ quan hành chính nhà nước có thể chủ động nghiên cứu và xây dựng các tài liệu mang tính bắt buộc theo yêu cầu của tiêu chuẩn. Phần này bao gồm các tài liệu chung theo yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 (sổ tay chất lượng, chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng, yêu cầu năng lực, trách nhiệm, quyền hạn của các chức danh công việc, quy trình kiểm soát tài liệu, kiểm soát hồ sơ, đánh giá nội bộ, kiểm soát sự không phù hợp, khắc phục, phòng ngừa) và các quy trình nội bộ cần xem xét xây dựng (quy trình họp xem xét của lãnh đạo, quản lý văn bản đi và đến, lưu trữ hồ sơ tài liệu, mua sắm, quản lý trang thiết bị, quản lý tài sản cố định, tuyển dụng và đào tạo, kế hoạch, thi đua khen thưởng,...).

Phần 2, hướng dẫn xác định phạm vi áp dụng hệ thống QLCL theo kết quả của Đề án 30.

Cơ quan hành chính nhà nước có trách nhiệm căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công, phân cấp tại các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan thẩm quyền ban hành, xác định cụ thể thủ tục hành chính thực hiện tại đơn vị. Đồng thời cập nhật, bổ sung đầy đủ các thủ tục hành chính khi có thay đổi, điều chỉnh.

Phần 3, các cơ quan hành chính nhà nước địa phương có thể tìm hiểu và sử dụng quy trình xử lý công việc mẫu một cách hợp lý, phù hợp nhất với thủ tục hành chính mà

tổ chức mình đang thực hiện để triển khai, áp dụng và nghiên cứu xây dựng quy trình xử lý công việc đối với các thủ tục hành chính khác.

Trong phần này quy định 2 tài liệu chính (1) Hướng dẫn trình bày quy trình xử lý công việc với mục đích hướng dẫn cho cơ quan hành chính nhà nước biết được những yêu cầu về hệ thống tài liệu mà tiêu chuẩn yêu cầu; cách viết một quy trình xử lý công việc và một số lưu ý cho các cán bộ khi triển khai viết quy trình. Trong đó, hình thức xây dựng một quy trình xử lý công việc được nhấn mạnh để đảm bảo sự vận dụng cách thức xây dựng hợp lý, phù hợp (2) Mẫu quy trình xử lý công việc cụ thể cho từng loại hình cơ quan hành chính nhà nước. Đối với mỗi một loại hình cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương (50 loại hình), mô hình khung lựa chọn một thủ tục hành chính để xây dựng mẫu 1 quy trình xử lý công việc đối với thủ tục hành chính đó với mục đích đảm bảo các cơ quan hành chính nhà nước địa phương có những tài liệu cụ thể về cách thức xử lý công việc tại cơ quan hành

chính nhà nước. Như vậy, ứng với mỗi loại hình cơ quan hành chính nhà nước tại các địa phương khác nhau đều có thể nghiên cứu và thực hiện.

Với kết cấu 3 phần như trên, mặc dù mô hình khung đã quy định cơ bản một số tài liệu, phạm vi và quy trình xử lý công việc cho các cơ quan hành chính nhà nước, tuy nhiên việc đảm bảo toàn bộ yêu cầu thích hợp của TCVN ISO 9001 được áp dụng đầy đủ vào hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước là trách nhiệm của từng cơ quan.

Tại tỉnh Lâm Đồng, qua 4 năm xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, đến nay đã có 39 cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc tỉnh, huyện, thành phố đã xây dựng, áp dụng hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2000 hoặc TCVN ISO 9001:2008. Việc áp dụng hệ thống QLCL này trong các cơ quan hành chính là những công cụ hỗ trợ đắc lực cho mục tiêu cải cách hành chính của tỉnh Lâm Đồng nói riêng, cả nước nói chung.

(Chi tiết Mô hình khung được đăng tải đầy đủ trên Website: <http://www.tcvn.gov.vn>). ■

GIẢI PHÁP CHO RAU LÂM ĐỒNG VƯỢT QUA RÀO CẢN THƯƠNG MẠI

(Tiếp theo trang 20)

- Hỗ trợ kỹ thuật và khuyến khích hỗ trợ hộ nông dân, doanh nghiệp áp dụng quy trình quản lý chất lượng, nhằm đảm bảo có nguồn rau sạch theo tiêu chuẩn, cung cấp cho thị trường của các nước nhập khẩu.

- Tăng cường công tác nghiên cứu các giống rau sạch bệnh, năng suất cao; các loại thuốc bảo vệ thực vật có khả năng phòng trừ sâu bệnh tốt.

- Thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo, lớp tập huấn cho nông dân về những kỹ thuật canh tác, áp dụng khoa học kỹ thuật vào quá trình trồng; đồng thời kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất rau.

- Tập trung nghiên cứu giống rau thế mạnh của Lâm Đồng, từ đó đẩy mạnh hoạt động sản xuất những giống chủ lực, phân bổ vùng

trồng rau hợp lý, khuyến khích và hỗ trợ nông dân đưa máy móc, thiết bị tiên tiến vào sản xuất.

- Tạo điều kiện cho các cán bộ kỹ thuật được tiếp cận những tiến bộ khoa học kỹ thuật của các nước tiên tiến.

- Mở rộng hợp tác với các tổ chức nước ngoài để hướng đến một nền nông nghiệp sản xuất rau bền vững tại Lâm Đồng.

- Lập hàng rào kỹ thuật cho những nông sản nhập khẩu vào Việt Nam, giúp ổn định giá cả rau trong nước, giúp bà con nông dân yên tâm về đầu ra cho sản phẩm rau của mình, từ đó ngày càng chú trọng đến chất lượng sản phẩm mình tạo ra.

- Tìm đầu ra ổn định cho sản phẩm rau của Lâm Đồng. ■

NÂNG CAO NĂNG SUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG TẠI CÁC DOANH NGHIỆP TỈNH LÂM ĐỒNG

NGUYỄN TÚ UYÊN

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng

Năng suất được hiểu khái quát là quan hệ so sánh giữa đầu ra và đầu vào. Đối với các doanh nghiệp đầu ra được tính bằng tổng giá trị sản xuất – kinh doanh hoặc giá trị gia tăng hoặc khối lượng hàng hóa tính bằng đơn vị hiện vật. Đầu vào được tính theo các yếu tố tham gia để sản xuất ra đầu ra như lao động, nguyên vật liệu, vốn, thiết bị máy móc, năng lượng, kỹ năng quản lý.

Với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường kinh tế, xã hội, công nghệ, đặc biệt là xu hướng toàn cầu hóa nền kinh tế, tự do hóa thương mại và sự cạnh tranh gay gắt về chất lượng, chi phí, phân phối, nên khái niệm năng suất đã được nhìn nhận lại cho phù hợp với nhu cầu của cạnh tranh và phát triển. Năng suất giờ đây không chỉ phản ánh các quan hệ bên trong của quá trình sản xuất mà còn được gắn với vấn đề thị trường, việc thỏa mãn nhu cầu khách hàng và các yêu cầu về trách nhiệm xã hội. Mặt khác, theo nghĩa rộng, nhu cầu khách hàng được hiểu như là chất lượng. Năng suất trong doanh nghiệp có thể coi là một quá trình với đầu vào là khả năng sáng tạo và đầu ra là sự thỏa mãn khách hàng. Quá trình này chịu tác động của nhiều yếu tố như lượng đầu ra, tiết kiệm chi phí, tối ưu hóa các nguồn lực, kỹ năng người lao động, thời hạn giao hàng, cam kết chất lượng định hướng vào khách hàng, quản lý nguồn nhân lực để tạo môi trường làm việc năng động và hài hòa, quá trình nâng cao chất lượng của dịch vụ khách hàng.

Bản chất của năng suất theo cách tiếp cận mới bao gồm các nguyên tắc sau:

- Năng suất phải tập trung vào giảm lãng phí dưới mọi hình thức.
- Năng suất là làm việc thông minh hơn chứ không vất vả hơn.
- Nguồn nhân lực và khả năng tư duy của

con người đóng vai trò quan trọng nhất trong việc đạt được năng suất cao hơn và hành động là kết quả của quá trình tư duy.

- Tăng năng suất đồng nghĩa với đổi mới và cải tiến liên tục.
- Năng suất coi là biểu hiện của cả hiệu quả và hiệu lực trong việc sử dụng các nguồn lực để đạt được mục tiêu.
- Năng suất đi đôi với việc bảo vệ môi trường (năng suất xanh, sản xuất sạch).

Chương trình nâng cao năng suất và chất lượng của quốc gia

Mục tiêu của chương trình là xây dựng và áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng, phát triển nguồn lực cần thiết để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Đồng thời tạo bước chuyển biến rõ rệt về năng suất và chất lượng của sản phẩm, hàng hóa chủ lực, khả năng cạnh tranh của từng doanh nghiệp đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

Các dự án: (1) Xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (2) Thúc đẩy hoạt động năng suất và chất lượng (3) Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của ngành công nghiệp (4) Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của ngành nông nghiệp (5) Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của ngành thông tin, truyền thông (6) Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của ngành xây dựng (7) Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của ngành y tế (8) Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của ngành giao thông vận tải (9) Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại địa phương.

Hiện trạng năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng

Trong xu thế hội nhập kinh tế, vấn đề cạnh tranh ngày càng trở nên gay gắt hơn, chính vì thế hiện nay các doanh nghiệp của tỉnh Lâm Đồng đang phải đối mặt với những khó khăn, thách thức về nguồn vốn, công nghệ, chất lượng sản phẩm đầu ra, thị trường tiêu thụ, nguồn nhân lực,...

Lâm Đồng là tỉnh có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và là thị trường có nhiều tiềm năng để phát triển. Lâm Đồng có nguồn tài nguyên và nguyên liệu phong phú với các sản phẩm chủ lực là chè, cà phê, rau, hoa có diện tích trồng trọt lớn, trình độ sản xuất được nâng cao trên quy mô lớn, năng suất và chất lượng cây trồng tăng qua các năm. Trong những năm qua, các doanh nghiệp trong tỉnh cũng đã có nhiều cố gắng nỗ lực trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường nội địa, khu vực và quốc tế, đặc biệt là sau khi Việt Nam chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp cần phải chú trọng phát triển chiều sâu, nhất là nâng cao năng suất, chất lượng nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh cho sản phẩm của mình. Hiện nay, nhiều doanh nghiệp cũng đã ý thức được việc xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, các hệ thống quản lý và công cụ tiên tiến, phát triển các nguồn lực,... là điều kiện tiên quyết cho sự ổn định và phát triển, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa, tạo được giá trị gia tăng ngày càng cao.

Tuy nhiên trên thực tế, vấn đề nâng cao năng suất, chất lượng của sản xuất nông nghiệp tại địa phương vẫn còn một số hạn chế sau:

Năng lực sản xuất của các doanh nghiệp chưa cao nên việc xây dựng và áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cũng như quy chuẩn kỹ thuật địa phương để bảo hộ hàng hóa trong tỉnh là việc rất khó khăn và không thể thực hiện ngay được.

Nguồn lao động tuy dồi dào nhưng hầu hết là lao động phổ thông, chưa có tác phong và kỷ luật lao động công nghiệp,...

Phần lớn các cơ sở sản xuất có quy mô nhỏ, việc quản lý chất lượng chưa chặt chẽ do đó sản phẩm đầu ra còn kém chất lượng, không ổn định so với tiêu chuẩn đã công bố.

Đại đa số sản phẩm chưa có thương hiệu nên sức cạnh tranh còn thấp. Giá tiêu thụ bấp bênh, chủ yếu là nội tiêu, thị trường xuất khẩu chưa được mở rộng và chưa có những ký kết lâu dài; chưa tạo được mối liên hệ chặt chẽ giữa người sản xuất và thu mua, chế biến.

Số lượng các doanh nghiệp quan tâm, nhận thức rõ các hệ thống quản lý, các công cụ cải tiến năng suất còn ít, việc áp dụng thực tế chưa mang lại hiệu quả cao.

*** Nguyên nhân:**

Ngành nông sản thực phẩm vốn là một ngành có thế mạnh của tỉnh, chất lượng các hàng nông sản chủ yếu như chè, cà phê, rau, hoa vẫn được đánh giá chưa cao, chưa ổn định, thậm chí chưa đạt các tiêu chuẩn về vệ sinh, an toàn thực phẩm. Nguyên nhân chủ yếu trên là do trình độ kỹ thuật, nhất là trang thiết bị, công nghệ sản xuất còn lạc hậu, sản xuất nông nghiệp còn phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên và chưa có biện pháp để kiểm soát trong quá trình sản xuất do đó sản phẩm đầu ra còn kém chất lượng.

Năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp chưa cao, hiệu quả hoạt động tác nghiệp thấp; năng lực quản lý kinh doanh, việc áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến còn ít và mang tính hình thức; song song đó, việc áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất chưa được quan tâm đúng mức.

Hệ thống các phòng thử nghiệm đạt chuẩn còn ít, năng lực kiểm định thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp.

Dự án Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm của tỉnh

Để góp phần ổn định và nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa chủ lực của tỉnh, tăng khả năng cạnh tranh, tạo đà phát triển nhanh và bền vững cho nền kinh tế của tỉnh Lâm Đồng, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng dự án "*Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2011-2020*", với nội dung cơ bản là:

Những yếu tố tác động tới năng suất

Năng suất chịu sự tác động của rất nhiều yếu tố khác nhau. Tất cả các yếu tố tác động đến đầu vào và đầu ra đều là những yếu tố tác động đến năng suất. Các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất có thể chia thành (1) nhóm yếu tố bên trong: chất lượng lao động, trình độ công nghệ và thiết bị, khả năng quản lý và tổ chức sản xuất, khả năng về vốn (2) nhóm yếu tố bên ngoài bao gồm: môi trường kinh tế thế giới, tình hình thị trường, cơ chế chính sách kinh tế của nhà nước.

Năng suất yếu tố tổng hợp - TFP (Total Factor Productivity) là chỉ tiêu đo lường năng suất của đồng thời cả lao động và vốn trong một hoạt động cụ thể hay cho cả nền kinh tế. TFP phản ánh sự tiến bộ của khoa học, kỹ thuật và công nghệ, qua đó sự gia tăng đầu ra không chỉ phụ thuộc vào tăng thêm về số lượng của đầu vào mà còn tùy thuộc vào chất lượng của các yếu tố đầu vào là lao động và vốn. Nâng cao TFP là biện pháp gia tăng đầu ra bằng việc nâng cao chất lượng của các yếu tố đầu vào như lao động và vốn. Cùng với lượng đầu vào như nhau, lượng đầu ra có thể lớn hơn nhờ vào việc cải tiến chất lượng của lao động, vốn và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực này. Vì vậy tăng TFP gắn liền với áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, đổi mới công nghệ, cải tiến phương thức quản lý và nâng cao kỹ năng, trình độ tay nghề của người lao động,...

Để nâng cao TFP chủ yếu dựa vào 5 yếu tố chính: chất lượng lao động, thay đổi nhu cầu hàng hóa, dịch vụ; cơ cấu vốn, thay đổi cơ cấu kinh tế và tiến bộ kỹ thuật. Trong 05 yếu tố trên, 03 yếu tố được xác định thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ là: chất lượng lao động, cơ cấu vốn và áp dụng tiến bộ kỹ thuật.

Chất lượng lao động: phải đào tạo để nâng cao kỹ năng, tay nghề của người lao động, đào tạo chuyển giao công nghệ. Đầu tư vào nguồn nhân lực làm tăng khả năng và năng lực của lực lượng lao động trong việc sản xuất ra các sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao là yếu tố đóng góp rất quan trọng làm tăng TFP.

Thay đổi cơ cấu vốn là tăng cường đầu tư công nghệ tiên tiến như công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ hiện đại, tự động hóa.

Áp dụng tiến bộ kỹ thuật: thúc đẩy các hoạt động sáng tạo, đổi mới, nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, cải tiến quy trình sản xuất, áp dụng các hệ thống quản lý (ISO 9000, ISO 14000, ISO 22000, HACCP, SA 8000,...), các công cụ quản lý tiên tiến (5S, 6sigma, Kaizen, TPM, Lean, benchmarking, Just in time,...) để nâng cao năng suất.

- Phân tích, đánh giá hiện trạng năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và quản lý chất lượng của doanh nghiệp tham gia dự án; xác định nguyên nhân chủ yếu của những tồn tại về năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa cần phải khắc phục. Đánh giá trình độ chất lượng của sản phẩm, hàng hóa; đo lường năng suất của các doanh nghiệp trong tỉnh.

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về năng suất và chất lượng.

- Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho các sản phẩm, hàng hóa chủ lực của tỉnh.

Phổ biến ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ; hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng tại các doanh nghiệp; đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về năng suất và chất lượng cho các cán bộ lãnh đạo, quản lý, người lao động tại các doanh nghiệp.

Khi dự án được triển khai sẽ có những tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lâm Đồng. Có thể nêu một số kết quả mà dự án sẽ đạt được như:

- Tăng chỉ tiêu về năng suất lao động; giảm

tiêu hao năng lượng, lãng phí thời gian sản xuất và việc cung ứng sản phẩm; nâng tỷ phần đóng góp của chỉ số tăng năng suất tổng hợp, nghiên cứu và phát triển (R&D), đổi mới công nghệ, áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, nâng cao chất lượng các nguồn lực,... trong tổng số các yếu tố tác động đến tăng trưởng của doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, hàng hóa chủ lực.

- Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh Lâm Đồng.

- Sản phẩm, hàng hóa chủ lực của tỉnh được nâng cao uy tín và giá trị gia tăng trên thị trường trong nước và thế giới. Xây dựng được nhiều thương hiệu mạnh cho các sản phẩm, hàng hóa chủ lực, mở rộng thị trường, thị phần.

- Nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa. Xây dựng và áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, các hệ thống quản lý; mô hình, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng, phát triển mọi nguồn lực cần thiết để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa. ■

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NHÃN HIỆU RAU ĐÀ LẠT

DƯƠNG NGỌC ĐỨC
Phòng Kinh tế Đà Lạt

Địa danh Đà Lạt không chỉ được biết đến là thành phố du lịch mà còn là một vùng trồng rau nổi tiếng của cả nước. Nghề trồng rau nơi đây đã được hình thành từ lâu, đem lại nguồn thu nhập đáng kể và giải quyết việc làm cho phần lớn lao động của địa phương, góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng chung nền kinh tế của thành phố và của tỉnh.

Tuy nhiên, hiện nay ngành sản xuất rau của Đà Lạt đang phải đối mặt với nhiều thách thức. Một trong những thách thức ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển, đó là vấn đề quản lý tiêu chuẩn chất lượng, tạo lập, quản lý và phát triển thương hiệu cho sản phẩm rau mang địa danh Đà Lạt. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường nội tiêu và xuất khẩu đối với sản phẩm rau tại Đà Lạt và một số vùng phụ cận của huyện Đức Trọng và Đơn Dương, việc tạo lập nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm rau của Đà Lạt đã được thực hiện từ năm 2009.

Điều kiện được cấp và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận

Tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến và kinh doanh rau trên địa bàn thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận được cấp và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận Rau Đà Lạt phải đáp ứng đủ 4 điều kiện sau:

(1) Có hoạt động trồng, sản xuất, chế biến và kinh doanh rau an toàn thực sự diễn ra trên địa bàn thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận.

Khái niệm vùng phụ cận đã được UBND tỉnh xác định tại Quyết định số 31/2008/QĐ-UBND ngày 31/7/2008 và Quyết định số 1323/QĐ-UBND ngày 17/6/2011 bao gồm huyện Đức Trọng, Đơn Dương và Lạc Dương.

(2) Tuân thủ nghiêm ngặt và đầy đủ các

Nhãn hiệu chứng nhận Rau Đà Lạt do UBND tỉnh Lâm Đồng làm chủ sở hữu và UBND thành phố Đà Lạt là cơ quan quản lý, thẩm định và cấp quyền sử dụng cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng.

Nhãn hiệu chứng nhận Rau Đà Lạt được cấp cho các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân trồng, sản xuất, chế biến và kinh doanh rau an toàn trên địa bàn thành phố Đà Lạt khi đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của quy chế.

Vấn đề bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận Rau Đà Lạt góp phần nâng cao giá trị và uy tín của sản phẩm rau Đà Lạt.

yêu cầu, điều kiện để sản xuất rau an toàn theo Quy định về quản lý sản xuất và chứng nhận rau an toàn (Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2007/QĐ-BNN ngày 19/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT), bảo đảm về chất lượng sản phẩm trong suốt quá trình sản xuất và lưu thông.

(3) Có giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rau an toàn, do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp.

(4) Cam kết thực hiện nghiêm ngặt và đầy đủ các nội dung của Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận sản phẩm "Rau Đà Lạt" trong quá trình sử dụng nhãn hiệu.

Xây dựng quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu Rau Đà Lạt

Công tác quản lý chất lượng sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận đóng một vai trò hết sức quan trọng nhằm đảm bảo tốt nhất chất lượng sản phẩm khi đến tay người tiêu dùng. Sản phẩm đáp ứng đúng theo tiêu chuẩn chất lượng quy định sẽ tạo được niềm tin ở người tiêu dùng, và ngược lại, niềm tin ở chất lượng và danh tiếng của sản phẩm rau mang nhãn hiệu chứng nhận sẽ mất đi,



làm giảm giá trị và thị phần của sản phẩm rau Đà Lạt.

Để phục vụ công tác quản lý nhãn hiệu Rau Đà Lạt, cơ quan chức năng đã tiến hành xây dựng và lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan quản lý, nhà khoa học cũng như đối tượng sử dụng để hoàn thiện quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu Rau Đà Lạt.

Đối với cơ quan quản lý

Trách nhiệm của cơ quan quản lý là phải xác định đúng, hợp lý chất lượng sản phẩm thông qua quy trình kiểm soát, chứng nhận sản phẩm đáp ứng đúng yêu cầu tiêu chí chất lượng của tiêu chuẩn đang được áp dụng tại Lâm Đồng và Việt Nam, tăng hiệu quả kiểm soát chất lượng sản phẩm.

Xây dựng và áp dụng những văn bản pháp quy đề tạo hành lang pháp lý phục vụ công tác cấp chứng nhận sử dụng nhãn hiệu chứng nhận sau này (cụ thể là xây dựng quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu Rau Đà Lạt).

Xây dựng và ban hành quy định về hình thái bên ngoài của sản phẩm sử dụng nhãn hiệu chứng nhận đối với 4 chủng loại rau: rau ăn lá, rau ăn quả, rau ăn củ và rau ăn hoa. Quy định cách thức sử dụng biểu trưng logo của sản phẩm rau Đà Lạt trên bao bì sản phẩm, sử dụng logo trên 1 lô sản phẩm, cấp tem chứng nhận cho sản phẩm nhằm tạo dấu hiệu nhận biết cho người tiêu dùng liên tưởng và so sánh về chất lượng, hình thái những sản phẩm rau cùng loại của các địa

phương khác so với sản phẩm rau có xuất xứ từ Đà Lạt và vùng phụ cận.

Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt và các huyện liên quan phối hợp hiệu quả, thống nhất trong quản lý và cấp quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận rau Đà Lạt. Chủ sở hữu nhãn hiệu là Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, tuy nhiên Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt là đơn vị đứng tên quản lý nhãn hiệu chứng nhận này với nhiệm vụ: (1) cấp và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận rau Đà Lạt; (2) quản lý việc sử dụng nhãn hiệu của các tổ chức, cá nhân đã được cấp quyền; (3) kiểm tra, giám sát việc chấp hành của các tổ chức, cá nhân được cấp quyền theo quy định tại quy chế; đề nghị xử lý hành vi vi phạm.

Vừa qua, nhãn hiệu rau đã được cấp thí điểm cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh rau trên địa bàn thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận. Thông qua kết quả thí điểm, đơn vị quản lý sẽ tiến hành phân tích, đánh giá mức độ tác động của nhãn hiệu đối với người sản xuất và tiêu dùng, từ đó rút kinh nghiệm và có những điều chỉnh để hoàn thiện quy chế.

Quản lý nhãn hiệu chứng nhận là quá trình tạo dựng hình ảnh của sản phẩm rau Đà Lạt trong tâm trí người tiêu dùng. Vì vậy, vấn đề đặt ra cho công tác quản lý là việc hậu kiểm sản phẩm rau của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đang lưu thông trên thị trường. Hoạt động hậu kiểm sẽ giúp cho chất lượng sản phẩm rau Đà Lạt luôn ổn định, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, giữ vững và phát triển uy tín của thương hiệu.

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá dưới nhiều hình thức như: phát hành tài liệu tuyên truyền về Nhãn hiệu chứng nhận Rau Đà Lạt; quảng bá tuyên truyền dấu hiệu nhận diện sản phẩm rau Đà Lạt trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức và tham gia các chương trình lễ hội, các hội chợ thương mại, thực hiện chương trình quảng bá riêng và lồng ghép với những sự kiện chung của địa phương,...



Đối với tổ chức, cá nhân sử dụng nhãn hiệu

Việc đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận nhằm mục đích khuyến khích và tạo mối quan hệ chặt chẽ giữa chủ sở hữu nhãn hiệu, cơ quan quản lý nhãn hiệu với những đối tượng sử dụng nhãn hiệu chứng nhận tại địa phương, mối quan hệ giữa các đối tượng này là sự hỗ trợ lẫn nhau, làm gia tăng giá trị sản phẩm được chứng nhận.

Tổ chức, cá nhân phải sử dụng đúng và chính xác nhãn hiệu gồm cả tên nhãn hiệu và logo; đồng thời chỉ sử dụng nhãn hiệu chứng nhận cho các loại sản phẩm đã được cấp giấy chứng nhận. Nhãn hiệu chứng nhận được sử dụng kèm với nhãn hiệu chính thức của tổ chức, cá nhân và không được chuyển nhượng dưới bất kỳ hình thức nào. Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận Rau Đà Lạt có thời hạn là 5 năm.

Tổ chức, cá nhân sử dụng nhãn hiệu Rau Đà Lạt trên sản phẩm của mình phải đảm bảo áp dụng đúng quy trình sản xuất được đăng ký; các chỉ tiêu hóa lý, vi sinh, hàm lượng kim loại nặng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trên sản phẩm phải đảm bảo theo quy định hiện hành; duy trì và đảm bảo chất lượng hàng hóa mang nhãn hiệu chứng nhận Rau Đà Lạt.

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng nhãn hiệu chứng nhận Rau Đà Lạt gửi đơn đăng ký cho cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận và sẽ được giải quyết theo quy định.

Như vậy có thể hình dung quá trình quản lý nhãn hiệu Rau Đà Lạt là một chuỗi các nội dung liên quan và tác động qua lại lẫn nhau dựa trên nền tảng những văn bản quy phạm, những quy chế và quy định khi sử dụng nhãn hiệu với chiến lược marketing, các chương trình tuyên truyền quảng bá. Cùng với các đối tượng sử dụng hưởng ứng, tham gia và thực hiện tốt các quy định của cơ quan quản lý để tạo ra những lợi thế nhất định đối với sản phẩm cùng loại tại những địa phương khác. Tuy nhiên, thành công chỉ có được khi các nhà sản xuất tham gia và sẵn sàng sử dụng nhãn hiệu chứng nhận để làm tăng giá trị cho sản phẩm rau Đà Lạt.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng và sự cạnh tranh ngày càng gay gắt như hiện nay, công tác quản lý và phát triển nhãn hiệu Rau Đà Lạt cần có sự quyết tâm của chủ sở hữu và cơ quan quản lý nhãn hiệu để phát huy tối đa các nguồn lực, thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển thương hiệu. Đồng thời là sự hưởng ứng tham gia tích cực của các đối tượng được cấp quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận, để cùng nhau thực hiện một mục đích chung - đưa thương hiệu rau Đà Lạt trở thành một thương hiệu mạnh, được nhiều người tiêu dùng trong nước biết đến, sử dụng và từng bước hướng ra thị trường xuất khẩu.■



GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

HOÀNG THỊ CẨM TÚ

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng

Giải thưởng chất lượng quốc gia

Giải thưởng Chất lượng Quốc gia (GTCLQG) được quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2008 về việc “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa”.

GTCLQG là hình thức tôn vinh, khen thưởng hàng năm ở cấp quốc gia do Thủ tướng Chính phủ trao tặng cho các tổ chức, doanh nghiệp đạt thành tích xuất sắc trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ; nâng cao vị thế các sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ của Việt Nam, tăng cường năng lực, khả năng cạnh tranh và hội nhập của các tổ chức trên thị trường trong nước và quốc tế; xây dựng văn hóa, phong trào về năng suất, chất lượng trong tổ chức nhằm đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế - xã hội của đất nước.

Tiền thân của GTCLQG là Giải thưởng chất lượng Việt Nam, được hình thành dựa trên cơ sở 7 tiêu chí cơ bản của Giải thưởng chất lượng *Malcolm Baldrige* của Mỹ và các tiêu chí của Giải thưởng châu Á - Thái Bình Dương.

Các doanh nghiệp tham dự giải thưởng sẽ được đánh giá theo 7 tiêu chí của Giải thưởng chất lượng Quốc gia và được xét tuyển tại 2 cấp: cấp sơ tuyển (tỉnh) và cấp quốc gia.

Lợi ích của việc tham dự GTCLQG

Khi tham dự GTCLQG, doanh nghiệp có điều kiện học hỏi, đánh giá và cải tiến toàn bộ hoạt động của mình một cách toàn diện về công tác quản lý, chất lượng sản phẩm,... từ đó có các biện pháp khắc phục kịp thời các thiếu sót hoặc sai lỗi trong quá trình quản lý và điều hành sản xuất, kinh doanh. Ngoài ra, khi đạt giải, doanh nghiệp có thể đưa logo (biểu trưng) của giải thưởng lên trên sản

phẩm, tài liệu của doanh nghiệp hay quảng bá thương hiệu, chất lượng sản phẩm, giúp cho doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

Điều kiện tham dự

Các tổ chức, doanh nghiệp phải có tư cách pháp nhân, đã hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ liên tục tại Việt Nam; không vi phạm các quy định của pháp luật trong thời gian ít nhất **36 tháng**, tính từ thời điểm đăng ký tham dự.

Nguyên tắc xét thưởng

Đối tượng tham dự: các tổ chức, doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh, dịch vụ (không phân biệt thành phần kinh tế và quy mô); không hạn chế số lượng các tổ chức, doanh nghiệp tham dự.

Tiêu chí xét thưởng: việc xét thưởng đảm bảo công khai, khách quan và công bằng trên cơ sở cho điểm theo 7 tiêu chí của GTCLQG, cụ thể là:

1. Vai trò của lãnh đạo tổ chức, doanh nghiệp (120 điểm)
2. Chiến lược hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp (85 điểm)
3. Chính sách định hướng vào khách hàng và thị trường (85 điểm)
4. Đo lường, phân tích và quản lý tri thức (90 điểm)
5. Quản lý, phát triển nguồn nhân lực (85 điểm)
6. Quản lý quá trình hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp (85 điểm)
7. Kết quả hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp (450 điểm)

Cơ cấu giải thưởng

Cơ cấu giải thưởng gồm có Giải vàng Chất lượng Quốc gia và Giải bạc Chất lượng Quốc gia, cụ thể:

Giải Vàng Chất lượng Quốc gia: được trao

tặng cho các doanh nghiệp đạt từ 800/1.000 điểm trở lên và được đánh giá là xuất sắc nhất trong số các doanh nghiệp đạt GTCLQG; bao gồm 3 giải cho mỗi loại hình doanh nghiệp (sản xuất lớn; sản xuất vừa và nhỏ; dịch vụ nhỏ; dịch vụ vừa và nhỏ). Ngoài ra, các doanh nghiệp đạt Giải Vàng Chất lượng Quốc gia sẽ được đề cử tham gia các Giải thưởng chất lượng khu vực và quốc tế. Các tổ chức, doanh nghiệp đã đạt Giải Vàng Chất lượng Quốc gia thì sau 3 năm kể từ ngày nhận giải mới được tiếp tục tham dự lại GTCLQG.

Giải Bạc Chất lượng Quốc gia: doanh nghiệp phải đạt từ 600/1.000 điểm trở lên và không hạn chế số lượng doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp đạt giải sẽ được nhận cúp kèm theo giấy chứng nhận của Thủ tướng Chính phủ.

Hồ sơ tham dự

Tổ chức, doanh nghiệp đăng ký và nộp hồ sơ tham dự GTCLQG tại Hội đồng sơ tuyển GTCLQL tỉnh Lâm Đồng (thông qua Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng)

Hồ sơ tham dự GTCLQG bao gồm:

1. Bản đăng ký tham dự GTCLQG
2. Báo cáo giới thiệu chung về tổ chức, doanh nghiệp
3. Báo cáo tự đánh giá theo 7 tiêu chí của GTCLQG
4. Bằng chứng về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (bản chính hoặc bản sao chứng chỉ, hồ sơ, tài liệu liên quan)
5. Bằng chứng về sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng (nếu có)
6. Bản đánh giá tác động môi trường được phê duyệt và các kết quả quan trắc hàng năm theo luật định trong 3 năm gần nhất (nếu có)
7. Xác nhận kết quả thực hiện nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội hàng năm trong 3 năm gần nhất
8. Các hồ sơ khác minh chứng cho kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức (nếu có)

Triển khai GTCLQG tại tỉnh Lâm Đồng

Từ năm 1996 – 2010, cả nước đã có 1.303

V I Ê T N A M



GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
NATIONAL QUALITY AWARD

lượt doanh nghiệp được trao tặng Giải thưởng chất lượng, trong đó từ năm 2001 – 2010 đã có 62 lượt doanh nghiệp được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen. Từ năm 2000 đến nay, các doanh nghiệp Việt Nam liên tục tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc tế châu Á – Thái Bình Dương và có 24 doanh nghiệp được trao giải này. Năm 2010, cả nước có 96 doanh nghiệp tham dự GTCLQG, trong đó có 11 doanh nghiệp đạt giải vàng, 85 doanh nghiệp đạt giải bạc.

Tại Lâm Đồng, GTCLQG đã được triển khai từ rất sớm, tuy nhiên đến năm 2004 các doanh nghiệp mới bắt đầu tham dự. Từ năm 2004 – 2010 đã có 14 lượt doanh nghiệp tham dự và đạt giải, trong đó, Công ty cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng có 6 năm liên tiếp tham gia và đạt giải (2005-2010). Năm 2011 có 3 doanh nghiệp đăng ký tham gia GTCLQG thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực thực phẩm, phân bón.

Thời hạn đăng ký tham dự GTCLQG hàng năm là đến hết ngày 15/4. Thời hạn nộp hồ sơ tham dự là đến hết ngày 01/7 hàng năm.

Các doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng có nhu cầu tham dự GTCLQG liên hệ với phòng **Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng - Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng**, số 24 Trần Phú, Đà Lạt để được hướng dẫn cụ thể về thủ tục và nội dung tham dự.

Điện thoại: 063.3532247

Website: <http://www.dalat.gov.vn/tdc> ■

VIỆC TRIỂN KHAI ÁP DỤNG ISO 9000 TRONG DOANH NGHIỆP TẠI TỈNH LÂM ĐỒNG

DƯƠNG THỊ LỆ QUYÊN

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng

Thực trạng của việc triển khai ISO 9000 tại tỉnh Lâm Đồng

Hiện nay, để nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước thì chất lượng sản phẩm, dịch vụ là một trong những yếu tố quan trọng để nâng cao uy tín, thương hiệu và giữ chân được khách hàng. Một trong những giải pháp giúp cho doanh nghiệp có thể nâng cao khả năng cạnh tranh của mình là áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) tiên tiến và ISO 9000 là một trong những HTQLCL phù hợp cho tất cả các loại hình doanh nghiệp.

Việc áp dụng ISO 9000 đúng cách sẽ đem lại hiệu quả lớn cho doanh nghiệp như: nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, giảm thiểu chi phí, sai lỗi, phế phẩm, cải tiến liên tục để phù hợp với yêu cầu của khách hàng, công việc giải quyết nhanh chóng, trách nhiệm quyền lợi rõ ràng,... từ đó sẽ giúp doanh nghiệp tăng doanh thu, nâng cao khả năng cạnh tranh, uy tín thương hiệu,...

Vừa qua Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng đã tiến hành khảo sát 33 doanh nghiệp đã và đang áp dụng ISO để đánh giá hiệu quả của việc áp dụng ISO 9000 vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, kết quả đánh giá sơ bộ cho thấy:

- Về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp sau khi áp dụng ISO:

+ Đối với các doanh nghiệp coi việc áp dụng ISO là để phát triển bền vững, nâng cao vị thế cạnh tranh, uy tín thương hiệu thì hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp sau khi áp dụng ISO ngày càng cao hơn do chi phí sản xuất giảm, năng suất lao động tăng, tồn trữ sản phẩm giảm,...

+ Đối với các doanh nghiệp ngoài việc

áp dụng ISO với mục đích như: nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; tiết kiệm chi phí; giảm thiểu và phòng ngừa sai lỗi; nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; tăng năng suất, lợi nhuận; nâng cao uy tín và thương hiệu; giải quyết công việc nhanh chóng; nâng cao tinh thần, trách nhiệm của nhân viên, thì mục đích áp dụng ISO là do nhu cầu của thị trường, khách hàng chiếm 50% tổng số doanh nghiệp được khảo sát. Như vậy những doanh nghiệp áp dụng ISO theo hình thức đối phó, thì hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp sau khi áp dụng ISO không cao hoặc không có thay đổi.

- Về những thay đổi rõ rệt sau khi doanh nghiệp áp dụng ISO là: uy tín của doanh nghiệp ngày càng nâng cao (81,82%); nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp (81,82%); khiếu nại của khách hàng được giải quyết kịp thời, nhanh chóng, thoả đáng và số lượng khiếu nại ngày càng giảm (72,73%); thị trường ngày càng mở rộng (48,48%); giảm thiểu được các sai lỗi, hư hỏng và tránh được sự lặp lại của các sai lỗi (90,91%); giảm thiểu tình trạng đùn đẩy trách nhiệm (75,76%).

- Tình hình duy trì việc triển khai áp dụng ISO trong doanh nghiệp: có 42,42% các doanh nghiệp thường xuyên duy trì và cải tiến hệ thống để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; 36,36% các doanh nghiệp mới đánh giá chứng nhận và chưa có cải tiến gì; 6,06% các doanh nghiệp có giấy chứng nhận đã hết hiệu lực nhưng chưa tái đánh giá và không có cải tiến; 9,09% các doanh nghiệp có giấy chứng nhận đã hết hiệu lực nhưng hệ thống chất lượng vẫn được duy trì tốt, do các doanh nghiệp đã đào tạo được nguồn nhân lực đủ khả năng và trình độ để tự duy trì hệ thống của mình theo các nguyên tắc của ISO.



- Về việc đào tạo cho cán bộ, công nhân viên của doanh nghiệp về ISO: hầu hết các doanh nghiệp sau khi được cấp giấy chứng nhận thì không hoặc thỉnh thoảng mới cử nhân viên đi đào tạo về ISO (78,98%).

- Bên cạnh đó trong quá trình triển khai ISO các doanh nghiệp cũng gặp nhiều khó khăn, chủ yếu như: khó khăn trong việc thay đổi thói quen, lề lối làm việc (90,91%); thiếu nguồn lực - con người, kinh phí,... (66,67%); đơn vị tư vấn không hiểu rõ về lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp (18,18%),...

Thông qua chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về KH&CN hàng năm đã góp phần giúp các doanh nghiệp nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước. Từ năm 2002 – 2010 tỉnh đã hỗ trợ cho 28 lượt/23 doanh nghiệp triển khai áp dụng các HTQLCL với tổng số tiền là 1.090.000.000đ và trong năm 2011 đang hỗ trợ cho 15 doanh nghiệp.

Ý nghĩa của việc áp dụng ISO 9000 đối với công tác điều hành doanh nghiệp

ISO 9000 hướng dẫn cho các tổ chức cũng như doanh nghiệp xây dựng được một mô hình quản lý thích hợp và văn bản hoá các yếu tố của hệ thống chất lượng theo mô hình đã chọn.

Lãnh đạo doanh nghiệp thuận tiện hơn trong việc điều hành và kiểm soát toàn bộ quá trình xử lý công việc tại đơn vị, hạn chế được cách thức giải quyết công việc tùy tiện theo ý thức chủ quan của cán bộ, công nhân viên.

Lãnh đạo doanh nghiệp có thể đánh giá được mức độ hoàn thành công việc của từng cán bộ, công nhân viên một cách khách quan,

từ đó làm căn cứ cho công tác bình bầu thi đua khen thưởng.

Lãnh đạo doanh nghiệp có nhiều thời gian hơn sau khi đã phân quyền và chia sẻ bớt “gánh nặng công việc” để có thể tập trung vào những vấn đề khác giúp đơn vị ngày càng phát triển hơn.

Những kinh nghiệm và điều kiện để áp dụng thành công ISO 9000

Lãnh đạo doanh nghiệp: cam kết sẽ quyết tâm áp dụng HTQLCL và thực hiện tốt chính sách, mục tiêu chất lượng. Đây là điều kiện tiên quyết cho sự thành công trong việc áp dụng và duy trì hệ thống quản lý ISO 9000.

Sự quan tâm và hiểu biết của nhân viên: vai trò của nhân viên trong toàn doanh nghiệp là rất quan trọng nên sự tham gia tích cực và hiểu biết của mọi thành viên trong công ty đối với ISO 9000 giữ vai trò quyết định.

Công nghệ hỗ trợ: Trình độ công nghệ thiết bị không đóng vai trò quan trọng trong việc áp dụng ISO 9000 vì hệ thống ISO 9000 có thể áp dụng cho mọi doanh nghiệp không kể loại hình kinh doanh, lĩnh vực kinh doanh và trình độ thiết bị công nghệ. Tuy nhiên, ở các doanh nghiệp có công nghệ thiết bị hiện đại hơn (thiết bị tiên tiến, ứng dụng công nghệ thông tin,...) thì việc áp dụng ISO 9000 sẽ được hoàn tất một cách nhanh chóng và thuận tiện hơn. Đặc biệt đối với doanh nghiệp có quy mô càng lớn, khối lượng công việc phải thực hiện trong quá trình áp dụng càng nhiều nên việc ứng dụng công nghệ thiết bị hiện đại sẽ giúp doanh nghiệp xử lý công việc nhanh chóng hơn.

Chú trọng cải tiến liên tục: các hành động cải tiến, những hoạt động đổi mới đều mang lại lợi ích thiết thực và cần phải được thực hiện thường xuyên để đảm bảo hệ thống của doanh nghiệp luôn duy trì có hiệu lực, hiệu quả.

Sử dụng chuyên gia tư vấn có khả năng và kinh nghiệm: là yếu tố đóng vai trò quan trọng trong tiến độ và mức độ thành công của việc xây dựng và áp dụng HTQLCL ISO 9000 tại các doanh nghiệp. ■

GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA TỈNH LÂM ĐỒNG GIAI ĐOẠN 2011-2015

Phát huy kết quả đạt được từ *Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học và công nghệ (KH&CN) trên địa bàn Lâm Đồng giai đoạn 2006-2010* theo Quyết định số 3310/QĐ-UBND ngày 3/11/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Sở KH&CN tiếp tục xây dựng chương trình hỗ trợ doanh nghiệp giai đoạn 2011-2015 và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 nhằm hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, đổi mới công nghệ, phương thức quản lý để nâng cao năng suất và chất lượng, xây dựng và phát triển thương hiệu, tăng cường sức cạnh tranh, chủ động hội nhập kinh tế.

Dưới đây, chúng tôi xin giới thiệu những vấn đề chủ yếu của Chương trình này để các doanh nghiệp biết và nghiên cứu triển khai.

Đối tượng áp dụng của chương trình là các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật Việt Nam, chú trọng các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã.

Chương trình ưu tiên cho các doanh nghiệp tạo ra sản phẩm mới, sản phẩm chủ lực của địa phương; sản xuất hàng xuất khẩu theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp,...

Phạm vi hỗ trợ bao gồm: ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, đổi mới công nghệ, áp dụng các phương thức quản lý tiên tiến phù hợp với điều kiện hội nhập, phát triển tài sản trí tuệ, hỗ trợ công nghệ cao trong các lĩnh vực sản xuất sản phẩm xuất khẩu như cà phê, chè, rau, hoa, khai khoáng, dịch vụ du lịch,...

Nội dung hỗ trợ

Hỗ trợ ứng dụng tiến bộ KH&CN và đổi mới công nghệ

Giới thiệu, cung cấp thông tin về công nghệ/thiết bị cho doanh nghiệp.

Tổ chức Chợ công nghệ và thiết bị cấp tỉnh gắn với nhu cầu phát triển kinh tế của địa phương: công nghệ/thiết bị chế biến nông sản, thực phẩm, công nghệ xử lý sau thu hoạch, công nghệ cao trong công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ,...

Hỗ trợ đánh giá, lựa chọn công nghệ; đầu tư, đổi mới công nghệ/thiết bị, mở rộng sản xuất của doanh nghiệp đối với các sản phẩm xuất khẩu, sản phẩm công nghệ cao.

Hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển công nghệ sản xuất sản phẩm mới, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Hỗ trợ trong lĩnh vực tiêu chuẩn, chất lượng

Tổ chức hoạt động cung cấp thông tin, tuyên truyền sâu rộng về hàng rào kỹ thuật trong thương mại cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp xuất khẩu.

Hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9000, GAP, HACCP, SA8000, ISO 17025,...

Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ, thương hiệu

Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn về tạo lập, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ cho các doanh nghiệp.

Cung cấp thông tin về sở hữu trí tuệ để doanh nghiệp khai thác, sử dụng.

Hỗ trợ thiết kế, đăng ký bảo hộ, khai thác, bảo vệ, quản lý và phát triển giá trị nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp.

Hỗ trợ xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ đối với chi dẫn địa lý.

Hỗ trợ đăng ký bảo hộ, chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm và dịch vụ, xây dựng và quảng bá thương hiệu,...

Hỗ trợ nâng cao năng lực dịch vụ kỹ thuật phục vụ doanh nghiệp

Hỗ trợ cho các phòng thử nghiệm chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế đảm bảo khả năng cung cấp dịch vụ kiểm nghiệm, đánh giá chất lượng sản phẩm phục vụ xuất khẩu.

Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin KH&CN,...

Mức hỗ trợ

Tùy theo từng giải pháp triển khai của chương trình, việc hỗ trợ được thực hiện theo các hình thức như sau:

- *Hỗ trợ toàn bộ kinh phí để thực hiện*

(1) Tuyên truyền nâng cao nhận thức đối với tầm quan trọng của ứng dụng KH&CN trong sản xuất, xây dựng thương hiệu và cạnh tranh hội nhập kinh tế của doanh nghiệp; đào tạo các vấn đề pháp luật và kỹ thuật về sở hữu trí tuệ, thương hiệu, sở hữu công nghiệp và hàng rào kỹ thuật trong thương mại;

(2) Tư vấn các nội dung triển khai ứng dụng KH&CN đối với doanh nghiệp, bồi dưỡng và nâng cao kiến thức quản lý kinh doanh theo quy trình công nghệ tiên tiến;

(3) Tổ chức chợ công nghệ và thiết bị bao gồm kinh phí tổ chức, diễn đàn trao đổi tư vấn;

(4) Hỗ trợ tư vấn doanh nghiệp trong xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu tập thể gắn với địa danh, địa lý và hướng dẫn doanh nghiệp đăng ký và phát triển thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa.

- *Hỗ trợ 30% giá trị dự án đối với các chương trình*

(1) Mua bí quyết công nghệ, giải pháp kỹ thuật, quy trình công nghệ, thiết kế kỹ thuật cho các lĩnh vực và loại hình công nghệ ưu tiên đổi mới;

(2) Hỗ trợ dự án cải tiến công nghệ, chuyên giao công nghệ nhằm nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, tiết kiệm năng lượng, dự án xây dựng các mô hình ứng dụng, triển khai công nghệ phục vụ nông nghiệp nông thôn;



(3) Hỗ trợ kinh phí đánh giá công nghệ tại các doanh nghiệp, thẩm định và đánh giá công nghệ chuyên giao cho doanh nghiệp;

(4) Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và phát triển thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, quảng bá sản phẩm, tham gia chợ công nghệ và thiết bị;

(5) Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, lập báo cáo khả thi khi doanh nghiệp yêu cầu thực hiện hoặc ký kết hợp đồng.

- *Hỗ trợ 70% giá trị dự án để thực hiện*

(1) Đánh giá, chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn;

(2) Đánh giá chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn và hợp quy đối với sản phẩm xuất khẩu (tối đa 2 sản phẩm/năm).

- *Hỗ trợ có thu hồi kinh phí đối với các hoạt động ứng dụng kết quả đề tài khoa học vào sản phẩm của doanh nghiệp, mức hỗ trợ không quá 30% giá chuyên giao công nghệ. Mức thu hồi tùy thuộc vào quy mô đầu tư và thời gian thu hồi vốn của doanh nghiệp.*

Phương thức tiếp cận Chương trình Hỗ trợ doanh nghiệp

Doanh nghiệp có nhu cầu về vốn để thực hiện các dự án như đã nêu ở trên có thể tìm hiểu về Chương trình Hỗ trợ này thông qua các địa chỉ sau:

(1) Trang Thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng, www.dalat.gov.vn hoặc vào trực tiếp trang <http://lamdongdost.gov.vn>

(2) Liên hệ trực tiếp tới bộ phận chuyên môn:

Phòng Quản lý Công nghệ - Sở hữu trí tuệ, Sở KH&CN tỉnh Lâm Đồng - Số 35 Trần Hưng Đạo, Đà Lạt
Điện thoại: 063 3833161 ■

GIẢI PHÁP CHO RAU LÂM ĐỒNG VƯỢT QUA RÀO CẢN THƯƠNG MẠI

NGUYỄN THỊ ĐỖ QUYÊN

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng

Tình hình sản xuất rau của tỉnh Lâm Đồng

Diện tích canh tác và sản lượng bình quân hàng năm

Do có nhiều điều kiện thuận lợi về khí hậu, thời tiết, đất đai,... tỉnh Lâm Đồng được coi là vùng sản xuất chính các loại rau ôn đới của cả nước. Tổng diện tích đất dành cho sản xuất nông nghiệp khoảng 200.000 ha, diện tích thâm canh rau các loại khoảng 50.000 ha, sản lượng trung bình hàng năm đạt hơn 1,2 triệu tấn. Trong những năm gần đây, việc áp dụng khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ sinh học đã góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng về kinh tế chung của tỉnh.

Rau của Lâm Đồng được đánh giá là có chất lượng cao nhưng thị trường tiêu thụ chủ yếu lại là trong nước, xuất khẩu chỉ khoảng 10% tổng sản lượng sản xuất của cả tỉnh. Thị trường xuất khẩu chính tập trung ở các nước châu Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Hồng Kông, Campuchia và Lào). Với các thị trường khó tính như châu Âu, Lâm Đồng hiện nay đang bước đầu tiếp cận.

Những thuận lợi trong việc sản xuất rau ở Lâm Đồng

- Khí hậu và thổ nhưỡng thích hợp cho sản xuất các loại rau ôn đới chất lượng cao quanh năm;

- Sản lượng rau của tỉnh Lâm Đồng cao hơn so với các nước trong khu vực;

- Trồng rau là nghề truyền thống của địa phương, người nông dân có nhiều kinh nghiệm và biết ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất.

Những khó khăn trong sản xuất rau ở Lâm Đồng

Mặc dù sản lượng trung bình hàng năm

cao, nhưng giá trị kinh tế mà cây rau của Lâm Đồng mang lại cho người dân là tương đối thấp do lượng rau xuất khẩu nhỏ, trong khi đó thị trường tiêu thụ trong nước luôn tiềm ẩn những bất ổn như kiểu “được mùa thì mất giá, được giá thì mất mùa”.

Một trong những nguyên nhân làm cho sản lượng xuất khẩu rau của Lâm Đồng không cao là do chưa đáp ứng được với yêu cầu của thị trường tiêu thụ, dưới đây là một số nguyên nhân chính:

(1) Chất lượng sản phẩm không ổn định: Do nông dân chưa chủ động được nguồn cây giống sạch bệnh trong khi phương thức canh tác chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau là chính; sản phẩm rau chưa được áp dụng các tiêu chuẩn trong kiểm định nên chất lượng thiếu ổn định, không đáp ứng được yêu cầu của nhà nhập khẩu.

(2) Vấn đề thương hiệu: Rau của Lâm Đồng đang trong giai đoạn đầu của quá trình xây dựng và khẳng định thương hiệu trên thị trường, nên chưa tạo được sự tin tưởng, nhất là đối với các thị trường nước ngoài khó tính.

(3) Là vùng chuyên canh rau, việc ứng dụng khoa học và kỹ thuật vào sản xuất đã được quan tâm, đầu tư. Tuy nhiên, diện tích sản xuất nông nghiệp theo công nghệ cao chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có, vì thế, sản lượng rau sạch được sản xuất chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của thị trường.

Với những khó khăn trên thì việc nâng cao năng suất chất lượng, thương hiệu của rau Lâm Đồng là một quá trình thực sự khó khăn và lâu dài, đòi hỏi phải có sự góp sức của nhiều cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người sản xuất để đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe về chất lượng và chỉ tiêu an toàn của thị trường nhập khẩu.

Hàng rào kỹ thuật đối với sản phẩm rau xuất khẩu

Việt Nam đã là thành viên của tổ chức Thương mại thế giới, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam muốn vào được các thị trường quốc tế, bắt buộc phải qua hàng rào kỹ thuật trong thương mại của các nước này và rau của Lâm Đồng cũng không phải là ngoại lệ. Đây chính là một rào cản lớn nhất đối với sản phẩm rau của tỉnh ta.

Cùng với sự phát triển của xã hội, nhu cầu cuộc sống của người dân cũng tăng lên và yêu cầu đối với chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm ngày càng khắt khe hơn. Người tiêu dùng ngày càng kỹ tính hơn trong việc lựa chọn thực phẩm, chính vì thế, chất lượng rau của Lâm Đồng là một yếu tố quyết định đến việc nhập khẩu vào các thị trường thế giới. Và các chỉ tiêu chất lượng được áp dụng đối với rau ngày càng nhiều là điều dễ hiểu. Ví dụ như:

Mức dư lượng của một số thuốc bảo vệ thực vật tối đa mà WHO/FAO cho phép từ 0.1 đến 10 mg/kg rau tươi.

Hàm lượng Nitrate (NO_3) cho các loại rau củ tươi, mức tối đa cho phép từ 60 đến 600 mg/kg, riêng với xà lách và cải củ, hàm lượng NO_3 tối đa cho phép từ 1.400 đến 2.000 mg/kg.

Đối với hàm lượng kim loại nặng và độc tố trong sản phẩm rau tươi theo FAO/WHO, mức tối đa cho phép từ 0.005 đến 200 mg/kg.

Đối với hàm lượng một số vi sinh vật trong rau tươi cho phép tối đa:

Salmonella: 0/25 g

E. Coli: 100/g

Coli form: 1000/g

Ngoài ra, tại một số thị trường nhập khẩu còn đòi hỏi sản phẩm rau được cung cấp phải có chứng nhận về chất lượng, vì vậy các doanh nghiệp cần đầu tư nâng cao trình độ sản xuất, chuyên đổi phương thức trồng rau, quản lý chất lượng rau từ khâu chọn giống đến thu hoạch; áp dụng công nghệ cao, các

hệ thống quản lý như VietGAP, GlobalGAP, ISO 9000, ISO 22000,... vào quá trình sản xuất. Thực hiện được những mục tiêu trên sẽ giúp cho sản phẩm rau của Lâm Đồng nâng cao uy tín, khẳng định thương hiệu, nâng cao vị thế cạnh tranh và vượt qua rào cản kỹ thuật trong thương mại để sản phẩm rau của Lâm Đồng có thể đến được với các thị trường khó tính trên thế giới với số lượng lớn, mang lại lợi nhuận cao hơn cho người trồng rau ở Lâm Đồng.

Giải pháp giúp doanh nghiệp trồng rau vượt qua rào cản thương mại

Đối với doanh nghiệp và hộ nông dân

- Xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, kiểm soát nguồn nguyên liệu chặt chẽ trong quá trình sản xuất.

- Áp dụng tiêu chuẩn của các đối tác nước ngoài, tiêu chuẩn của thị trường xuất khẩu trong hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm.

- Thay đổi các giống rau kém chất lượng bằng những giống cho năng suất, chất lượng cao và được ưa chuộng ở nhiều thị trường khó tính.

- Hoạch định rõ chiến lược, nắm bắt các cơ hội, thách thức, những cơ chế chính sách để đưa ra thị trường những sản phẩm rau đạt chất lượng.

- Tích cực tiếp cận khoa học kỹ thuật và đầu tư xây dựng nông trại sản xuất theo công nghệ cao.

Đối với các cơ quan chức năng có liên quan

- Quy hoạch vùng nguyên liệu chuyên canh rau sạch chất lượng cao; xây dựng kế hoạch sản xuất rau đáp ứng yêu cầu của thị trường; xây dựng thương hiệu cho sản phẩm rau của Lâm Đồng.

- Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư sản xuất và chế biến rau; phổ biến rộng rãi để doanh nghiệp và người trồng rau nắm rõ.

(Xem tiếp trang 6)

ĐẨY MẠNH TRIỂN KHAI VIỆC ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VÀO HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

LÊ XUÂN PHÚC

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng

Để thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động quản lý nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước, vấn đề cải cách hành chính là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu mà Chính phủ đặt ra. Ngày 20/6/2006, Chính phủ đã ra Quyết định số 144/2006/QĐ-TTg về việc *áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (QLCL) theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 vào hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước*. Hệ thống QLCL đã giúp cho hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước được giải quyết đơn giản, nhanh gọn, đúng pháp luật, đúng thời hạn và đúng thủ tục, góp phần nâng cao lòng tin của tổ chức, công dân với cơ quan hành chính nhà nước.

Xác định rõ công cuộc cải cách hành chính cần phải được triển khai liên tục, hiệu quả hơn, ngày 10/01/2007, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt *Đề án đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) trên lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007-2010* (Đề án 30). Tiếp theo đó, ngày 30/9/2009 Chính phủ đã ban hành Quyết định 118/2009/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 144/2006/QĐ-TTg (sau đây gọi tắt là Quyết định 118). Quyết định 118 là cơ sở quan trọng để thúc đẩy hơn nữa quá trình áp dụng hệ thống QLCL tại các cơ quan nhà nước theo hướng rõ ràng, công khai, minh bạch trong tất cả các hoạt động.

Theo Quyết định 118, đối tượng áp dụng hệ thống QLCL bao gồm tất cả các cơ quan hành chính nhà nước (CQHCCNN) có lĩnh vực hoạt động liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân; kể cả cơ quan nhà nước thuộc lĩnh vực an ninh và quốc phòng có hoạt động liên quan đến giải quyết thủ tục

hành chính cho tổ chức dân sự, công dân đều phải thực hiện việc xây dựng và áp dụng.

Quyết định 118 khuyến khích ủy ban nhân dân (UBND) các xã, phường, thị trấn xây dựng và áp dụng hệ thống QLCL theo mô hình khung do Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) xây dựng và công bố.

Quyết định 118 cũng quy định rõ tiến độ thực hiện vấn đề này căn cứ vào kết quả của Đề án 30, theo đó, đến ngày 31/12/2013 các cơ quan cấp tỉnh, huyện và cơ quan chuyên môn trực thuộc sẽ phải hoàn thành việc xây dựng và áp dụng hệ thống QLCL theo mô hình khung.

Tại tỉnh Lâm Đồng, ngay sau khi có Quyết định 144/2006/QĐ-TTg, Sở KH&CN đã tham mưu cho UBND ký ban hành Quyết định 1119/QĐ-UBND ngày 11/4/2007 về việc *triển khai áp dụng hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2000 đối với các đơn vị quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2007-2010*.

Thực hiện Quyết định 1119/QĐ-UBND, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện việc triển khai xây dựng và áp dụng hệ thống QLCL này. Đến nay đã có 39 đơn vị được cấp giấy chứng nhận ở cả 2 tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2000 và TCVN ISO 9001:2008.

Hiện nay, tỉnh cũng đang triển khai thực hiện Quyết định 118 với định hướng như sau:

- Rà soát và lập danh sách các đơn vị chưa thực hiện xây dựng và áp dụng hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO 9000 để kiến nghị đưa vào thực hiện. Qua rà soát cho thấy còn 9 đơn vị chưa thực hiện, sẽ áp dụng theo mô hình

khung; 41 đơn vị duy trì và mở rộng hệ thống áp dụng tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 và mở rộng sản phẩm theo Đề án 30.

- Việc triển khai thực hiện hệ thống QLCL cần phải được đưa vào kế hoạch cải cách hành chính chung của tỉnh và của các đơn vị; đầu mối hướng dẫn và triển khai kế hoạch này sẽ là Sở Nội vụ của tỉnh.

- Giải quyết dứt điểm kinh phí cho các đơn vị của tỉnh đã triển khai áp dụng hệ thống

QLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9000 trong giai đoạn 2007-2010 để các đơn vị này có cơ sở tiếp tục triển khai bước tiếp theo trong giai đoạn hiện nay, không để việc này làm ảnh hưởng đến tiến trình thực hiện chung của cả tỉnh.

- Bố trí kịp thời kinh phí cho việc triển khai thực hiện Quyết định 118 đối với các cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2013 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. ■

HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA VỀ TIÊU CHUẨN, ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2011

HỒ QUỐC THANH

Trong những năm gần đây, tình trạng vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng có xu hướng ngày càng tăng với mức độ tinh vi, phức tạp hơn, gây nhiều khó khăn cho cơ quan quản lý của các địa phương. Trước tình hình đó, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã tăng cường công tác quản lý của mình thông qua các hoạt động như thường xuyên thanh, kiểm tra và lấy mẫu để thử nghiệm, đánh giá chất lượng các loại hàng hóa.

Những lĩnh vực sản xuất kinh doanh được kiểm tra thường xuyên bao gồm các nhóm sản phẩm: thiết bị điện, nước, xăng – dầu, hàng đóng gói sẵn, đồ chơi trẻ em, tắc xi mét, máy đo điện tim, huyết áp kế,...

Qua thanh tra, kiểm tra trong 6 tháng đầu năm 2011, cho thấy hầu hết các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chấp hành tốt các quy định của nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.

Tuy nhiên cũng còn một số cơ sở chưa thực sự quan tâm, dẫn đến những sai phạm trong hoạt động sản xuất kinh doanh của cơ sở mình: Phát hiện 1/9 công tơ điện không đạt yêu cầu về đo lường và đã được yêu cầu khắc phục; Qua kiểm tra 15 mẫu cốc thủy tinh, sứ và nhựa của 20 cơ sở kinh doanh đã phát hiện 8 mẫu không đạt yêu cầu chất lượng vì có hàm lượng chì cao hơn quy định cho phép. Qua đó, Chi cục đã có văn bản gửi các cơ quan quản lý của các địa phương đề tuyên

truyền, cảnh báo đến các cơ sở kinh doanh và người tiêu dùng không mua bán, sử dụng các loại cốc có chứa chất độc hại xuất xứ từ Trung Quốc, kể cả các sản phẩm cùng loại không rõ nguồn gốc.

Hoạt động ghi nhãn, mã số mã vạch của các cơ sở kinh doanh hàng đóng gói sẵn được các cơ sở quan tâm tốt hơn. Qua kiểm tra 19 cơ sở, chỉ phát hiện 1 mẫu không đạt về định lượng và đã tiến hành xử phạt theo quy định hiện hành. Đối với lĩnh vực kinh doanh xăng – dầu, vàng – bạc, qua kiểm tra 49 cơ sở đã phát hiện 5 cơ sở vi phạm về phương tiện đo lường và ghi nhãn (cân hết hạn kiểm định),...

Phần lớn các đơn vị kinh doanh vi phạm về ghi nhãn hàng hóa, xuất trình hóa đơn chứng từ chứng minh xuất xứ nguồn gốc hàng hóa và an toàn vệ sinh thực phẩm. Việc sử dụng phụ gia cấm để sản xuất thực phẩm đang xảy ra ngày càng phổ biến hơn. Bên cạnh đó, hầu hết các cơ sở đều thuê nhân công làm việc theo mùa vụ nên công tác khám sức khỏe cho người lao động không được thực hiện làm ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng sản phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm.

Để bảo vệ quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh, quản lý của mình trong thời gian tới, Chi cục cần tăng cường phối hợp với phòng công thương/kinh tế các huyện trong tỉnh để kiểm tra, quản lý hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. ■

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG LÚA, GẠO CÁT TIÊN

Ngày 04/3/2011, Cục Sở hữu trí tuệ đã ra Quyết định số 3450/QĐ-SHTT cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với sản phẩm lúa, gạo của huyện Cát Tiên. Đây là một hình thức khẳng định chất lượng của lúa, gạo Cát Tiên trên thị trường. Và cũng là vấn đề đặt ra đối với các nhà quản lý: làm sao để sản phẩm lúa, gạo của Cát Tiên, đặc biệt là lúa, gạo chất lượng cao phát triển bền vững, đáp ứng mục tiêu đảm bảo an ninh lương thực trong vùng, tiến tới đẩy mạnh tiêu thụ tại các thị trường như Đà Lạt, TP. Hồ Chí Minh,... Hiện nay, nhãn hiệu tập thể "Lúa, gạo Cát Tiên" đã được cấp cho 6 thành viên trong huyện được phép sử dụng bao gồm các hộ nông dân: Huỳnh Văn Đẩu, Lê Ngọc Sanh, Nguyễn Thanh Tịnh, Nguyễn Hoàng Phúc, Đào Duy Mai, Đỗ Hữu Dự.

Mặc dù sản xuất lúa chiếm tỷ trọng nhỏ trong ngành trồng trọt, nhưng đây mạnh phát triển sản xuất lúa của Lâm Đồng là rất cần thiết, bởi nó đảm bảo vấn đề an ninh lương thực tại chỗ, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho phần lớn bà con nông dân trong vùng. Chính vì thế, việc đầu tư về khoa học kỹ thuật, vốn để hình thành và phát triển vùng chuyên canh lúa chất lượng cao luôn được quan tâm, đặc biệt, vừa qua nhãn hiệu lúa gạo Cát Tiên đã chính thức được bảo hộ.

Tình hình sản xuất lúa, gạo Cát Tiên

Cát Tiên là vùng trồng lúa trọng điểm với gần 8.500 ha, chiếm 25% diện tích lúa của tỉnh Lâm Đồng. Hầu hết diện tích sản xuất lúa tập trung ở các xã Gia Viễn, Phù Mỹ, Phước Cát 1, thị trấn Đồng Nai là những địa phương hàng năm được phù sa bồi đắp nên chất lượng đất có độ phì tương đối cao.

Trong các năm 2005-2010, diện tích gieo trồng lúa của huyện đã tăng dần từ 7.139 lên 8.415 ha và sản lượng lúa cũng tăng nhiều hơn.

Hạng mục	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Diện tích thu hoạch (ha)	7.025,8	6.927,9	7.593,1	7.779,8	7.960,4	8.302,7
- Năng suất (tạ/ha)	43,2	43,7	50,2	52,5	50,6	49,6
- Sản lượng (tấn)	30.440,6	30.242,4	38.129,7	40.812,4	40.314,6	41.156

Bảng 1. Tình hình sản xuất lúa trong các năm 2005-2010

Thời vụ sản xuất: huyện Cát Tiên có 3 vụ sản xuất lúa trong năm - Đông Xuân, Hè Thu và vụ Mùa. Là vùng rón lũ, thường xuyên bị ngập lụt vào vụ Mùa nên vụ Đông Xuân trở thành vụ sản xuất chính của huyện với diện tích gần 4.000 ha, chiếm 50% diện tích gieo trồng cả năm, vụ Mùa chỉ chiếm khoảng 14% diện tích sản xuất.

Các giống lúa chủ lực của huyện là: Tám thơm, Jasmine 85, OM 4900, OM 6162, MTL 392,... và có thời gian sinh trưởng ngắn, dưới 105 ngày.

Để góp phần tạo nên năng suất, chất lượng lúa, gạo ngày càng cao, huyện Cát Tiên đã đầu tư, áp dụng tiên bộ kỹ thuật, cơ giới hóa đồng ruộng trên phần lớn diện tích sản xuất.

Hiện tại đây đã thực hiện cơ giới hóa 90% khâu làm đất, những khâu sản xuất khác như bơm tưới, phun thuốc, gặt lúa, suốt lúa, sấy lúa, xay xát,... đều có sự tham gia của máy móc, giúp giải phóng sức lao động chân tay, đồng thời tăng năng suất, chất lượng của sản phẩm.

Những thuận lợi, khó khăn trong sản xuất lúa, gạo ở Cát Tiên

Thuận lợi: (i) Vùng sản xuất lúa tập trung nhiều nhất của tỉnh, đặc biệt là sản xuất lúa giống và lúa chất lượng cao; (ii) Cơ cấu sản xuất đồng vụ, ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất cao; (iii) Xây dựng thương hiệu tập thể để sản xuất hàng hóa quy mô lớn.

Khó khăn: (i) Việc sản xuất, cung ứng giống

lúa tốt còn thiếu; việc áp dụng giống mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất còn hạn chế; (ii) Chưa hình thành vùng nguyên liệu lớn mang tính hàng hóa cao; (iii) Cơ sở hạ tầng phục vụ cho thu hoạch sản phẩm chưa tốt, công nghiệp chế biến chưa hoàn chỉnh; (iiii) Liên kết sản xuất, tiêu thụ lúa, gạo chưa vững chắc.

Giải pháp để lúa, gạo Cát Tiên phát triển bền vững

(i) Khoa học và công nghệ:

Xây dựng quy trình sản xuất lúa đảm bảo tính khoa học, thực tiễn và đáp ứng tiêu chuẩn về chất lượng của nhãn hiệu “lúa, gạo Cát Tiên”.

Tăng cường công tác khuyến nông, chỉ đạo sản xuất đồng trà, đồng vụ; quản lý dịch hại, bổ sung và tái tạo dinh dưỡng đất trồng lúa.

Đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa trong

canh tác lúa; đầu tư công nghệ sau thu hoạch: phân loại kích thước, đánh bóng hạt và sấy khô gạo.

Chú trọng việc sử dụng các giống lúa chất lượng cao phù hợp với điều kiện sinh thái của vùng, đồng thời tiếp tục khảo nghiệm các giống lúa mới chất lượng cao.

Chuyên gia và khuyến cáo bà con nông dân sử dụng hạt giống đạt tiêu chuẩn, áp dụng đồng bộ các khâu kỹ thuật thâm canh, tiến tới tổ chức sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGAP, đảm bảo tiêu chuẩn gạo xuất khẩu.

Tiếp tục đầu tư hệ thống thủy lợi nội đồng nhằm đảm bảo yêu cầu tưới tiêu. Chủ động phòng chống thiên tai, hạn hán, tăng cường quản lý, khai thác các công trình thủy lợi nhằm khai thác hiệu quả, đảm bảo lượng nước tưới vào mùa khô. Bố trí cơ cấu mùa vụ hợp lý, đặc biệt tại các vùng thường xuyên bị ngập lụt.

Hạng mục	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Diện tích thu hoạch (ha)	2.695,0	2.372,0	3.904,2	3.883,0	4.010,0	5.509,0
- Năng suất (tạ/ha)	45,4	42,8	48,4	53,2	52,4	55,3
- Sản lượng (tấn)	12.098,5	10.151,2	18.884,7	20.660,9	17.122,3	30.465,2

Bảng 2. Tình hình sản xuất lúa chất lượng cao từ năm 2005-2010

(ii) Xúc tiến thương mại:

Tăng cường công tác tuyên truyền để giới thiệu thương hiệu “Lúa, gạo Cát Tiên” với thị trường.

Xây dựng kế hoạch đào tạo, hướng dẫn bà con nông dân kỹ thuật sản xuất lúa, gạo theo quy trình, nâng cao giá trị sản phẩm.

Xây dựng tiêu chí chất lượng sản phẩm lúa, gạo mang nhãn hiệu “Lúa, gạo Cát Tiên”.

Xây dựng quy trình cấp quyền sử dụng nhãn hiệu “Lúa, gạo Cát Tiên” cho các tổ chức, cá nhân hoạt động dịch vụ, mua bán.

Thực hiện quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường tiêu thụ ổn định lâu dài cho sản phẩm “Lúa, gạo Cát Tiên”.

(iii) Các giải pháp khác:

Xây dựng cơ chế hợp tác liên kết giữa nhà nông, nhà khoa học, doanh nghiệp, nhà nước để phát triển sản xuất và chế biến gạo. Xây dựng một số mô hình điểm gắn kết về quyền lợi giữa doanh nghiệp và người nông dân.

Đẩy mạnh các hình thức kinh tế hợp tác như hợp tác xã, tổ hợp tác để phát triển sản xuất tập trung, cơ giới hóa đồng ruộng; thuận lợi trong đầu tư, sản xuất hàng hóa lớn, đáp ứng điều kiện sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP.

Xây dựng chính sách tín dụng phù hợp với thực tiễn sản xuất nông nghiệp của huyện, tạo điều kiện tốt nhất cho các thành phần kinh tế tiếp cận nguồn vốn đầu tư sản xuất lúa chất lượng cao. ■

(Tổng hợp tài liệu Hội thảo khoa học Sản xuất, tiêu thụ “Lúa, gạo Cát Tiên”)

HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN VIETGAP TẠI LÂM ĐỒNG

QUẢN HÀNH QUÂN

Trung tâm Phân tích và Chứng nhận chất lượng tỉnh Lâm Đồng

Giá trị VietGAP mang lại cho sản xuất nông nghiệp

Trước khi ra đời tiêu chuẩn VietGAP, nước ta đã có nhiều chương trình sản xuất rau, quả và một số sản phẩm nông nghiệp an toàn. Nhiều địa phương đã xây dựng những quy trình sản xuất sản phẩm nông nghiệp an toàn, phù hợp với điều kiện địa lý tự nhiên để thực hiện. Tuy nhiên, không phải địa phương nào cũng có tổ chức chứng nhận chất lượng đạt tiêu chuẩn để thực hiện việc chứng nhận và cấp chứng chỉ cho các sản phẩm nông nghiệp an toàn, bên cạnh việc các chính sách khuyến khích sản xuất sản phẩm nông nghiệp an toàn chưa được quan tâm và mang tầm chiến lược trong phạm vi địa phương và quốc gia để đưa sản phẩm nông nghiệp hội nhập thị trường quốc tế và khu vực.

Để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng an toàn, năm 2008, Việt Nam đã xây dựng bộ tiêu chuẩn bao gồm những nguyên tắc, trình tự, thủ tục hướng dẫn tổ chức/cá nhân sản xuất, thu hoạch, sơ chế bảo đảm an toàn, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo phúc lợi xã hội, sức khỏe người sản xuất và người tiêu dùng, bảo vệ môi trường và truy nguyên nguồn gốc sản phẩm. Bộ tiêu chuẩn này được gọi là tiêu chuẩn VietGAP (tiêu chuẩn Việt Nam về thực hành nông nghiệp tốt). Tiêu chuẩn VietGAP được xây dựng dựa trên cơ sở AseanGAP, EurepGAP/GlobalGAP và Freshcare; tiêu chuẩn VietGAP vừa đáp ứng được điều kiện đòi hỏi của các thị trường nhập khẩu, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho rau, quả Việt Nam tham gia thị trường khu vực và thế giới, hướng tới sản xuất nông nghiệp bền vững.

Áp dụng tiêu chuẩn VietGAP vào sản xuất, các doanh nghiệp có nhiều điều kiện thuận lợi để đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế: thay đổi những thói quen canh tác truyền

thống, tạo nên những sản phẩm có chất lượng ổn định, đạt tiêu chuẩn nhập khẩu của các thị trường trên thế giới; quản lý, kiểm tra, truy nguyên nguồn gốc sản phẩm được thực hiện dễ dàng, đáp ứng những đòi hỏi khắt khe của các thị trường nhập khẩu trên thế giới.

Chứng nhận VietGAP tại tỉnh Lâm Đồng

Trong những năm qua, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đã đóng góp vào cơ cấu GDP toàn tỉnh ngày càng cao. Chính vì thế, để chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong lĩnh vực nông nghiệp những năm tiếp theo đạt kết quả tốt thì việc phát triển nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao, bền vững là mục tiêu hàng đầu nhằm tăng giá trị trên một hecta cây trồng và đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa. Quy hoạch phát triển sản xuất theo hướng nông nghiệp công nghệ cao sẽ khắc phục hiện tượng sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, chưa hướng đến thị trường; đồng thời để nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp và hoạt động marketing, ngành nông nghiệp đã tham mưu cho UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 4/2011/QĐ-UBND và Quyết định số 6/2011/QĐ-UBND ngày 25/01/2011 về Quy định sản xuất rau, quả, chè an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP và phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng đẩy mạnh hoạt động chứng nhận VietGAP đối với một số sản phẩm nông sản trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Hiện nay, tỉnh Lâm Đồng có 73 đơn vị, tổ chức, cá nhân được chứng nhận VietGAP trên tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp là 518 ha. Trong đó, có 52 đơn vị được chứng nhận VietGAP trên cây rau với diện tích 311 ha; 21 đơn vị, cá nhân được chứng nhận VietGAP trên cây chè với diện tích gần 207 ha. Trong xu hướng hiện ngày càng có nhiều doanh nghiệp, cá nhân hướng tới sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP để nâng cao

chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh trên thương trường thì hoạt động chứng nhận VietGAP đối với một tỉnh có nhiều sản phẩm nông sản có giá trị cao là rất thiết thực.

Ngày 29/6/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ra Quyết định số 1385/QĐ-UBND, thành lập Trung tâm Phân tích và Chứng nhận chất lượng, trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng. Theo đó, Trung tâm Phân tích và Chứng nhận chất lượng tỉnh Lâm Đồng được giao thực hiện **chứng nhận và cấp chứng chỉ phù hợp với tiêu chuẩn VietGAP** cho tổ chức, cá nhân sản xuất rau, quả, chè an toàn trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Trung tâm Phân tích và Chứng nhận chất lượng tỉnh Lâm Đồng là tổ chức chứng nhận đã được công nhận phù hợp tiêu chuẩn quốc tế ISO Guide 65:1996, tiêu chuẩn này áp dụng cho các tổ chức hoạt động chứng nhận phải tuân thủ; ngoài ra hoạt động phân tích kiểm nghiệm của Trung tâm đã được công nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO/IEC 17025: 2005. Vì vậy, ngày 25/02/2011, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định Trung tâm Phân tích và Chứng nhận chất lượng tỉnh Lâm Đồng thực hiện chứng nhận theo tiêu chuẩn VietGAP cho tổ chức/cá nhân sản xuất thực hiện đúng quy trình sản xuất rau, quả, chè an toàn. Trung tâm có đủ điều kiện về tư cách pháp nhân, có đội ngũ cán bộ kỹ thuật được đào tạo chuyên sâu và có kinh nghiệm; cơ sở vật chất và hệ thống trang thiết bị phòng thí nghiệm hiện đại, được quản lý và vận hành phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế cho hoạt động phân tích và chứng nhận chất lượng sản phẩm.

Tuy mới được thành lập nhưng Trung tâm đã xúc tiến có hiệu quả hoạt động chứng nhận thông qua các lớp tập huấn cho cá nhân, doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc và các huyện trong tỉnh. Ngoài ra, Trung tâm cũng đã tiến hành tổ chức các hội nghị khách hàng để giới thiệu về thủ tục, dịch vụ chứng nhận theo tiêu chuẩn VietGAP và các hoạt động tư vấn hỗ trợ khác nhằm giúp doanh nghiệp sản xuất ra sản phẩm nông nghiệp an toàn, được

cấp chứng chỉ chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn VietGAP, góp phần nâng cao giá trị và khả năng cạnh tranh sản phẩm nông sản trên thị trường.

Việc sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP trong thời gian tới tại Lâm Đồng sẽ ngày càng được triển khai rộng rãi và góp phần tạo nên những thay đổi tích cực trong sản xuất nông nghiệp của địa phương như thay đổi phương thức canh tác, thay đổi thói quen sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất, hạn chế những ảnh hưởng xấu đến người sản xuất; tăng năng suất và chất lượng sản phẩm,... Để hoạt động sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGAP ngày một hiệu quả, trong thời gian tới tỉnh Lâm Đồng cần tập trung giải quyết một số vấn đề sau:

- Nâng cao nhận thức cho người sản xuất và người tiêu dùng thông qua các chương trình khuyến nông của tỉnh và các hoạt động tuyên truyền khác trên phương tiện thông tin đại chúng.

- Xây dựng chính sách khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp an toàn; chính sách hỗ trợ người nông dân áp dụng các quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP.

- Cần ban hành một số biện pháp chế tài đối với cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường do sử dụng quá mức thuốc bảo vệ thực vật. Cơ quan chức năng tiến hành hoạt động thanh tra, kiểm tra định kỳ đối với các cơ sở sản xuất để nắm bắt tình hình và có những khuyến cáo kịp thời.

- Cần đẩy mạnh phát triển và khuyến khích các ngành công nghiệp, dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

Thông tin liên quan đến hoạt động chứng nhận VietGAP, xin liên hệ theo địa chỉ:

Trung tâm Phân tích và Chứng nhận chất lượng Lâm Đồng

Tại Đà Lạt: 24 Trần Phú, phường IV, Đà Lạt

Điện thoại: 063 3833159

Tại Bảo Lộc: 230 Hoàng Văn Thụ, phường I, Bảo Lộc.

Điện thoại: 063 3753999 ■

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH HIỆN NAY, GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG 5 NĂM TỚI

Đơn vị thực hiện: Sở Nội vụ tỉnh Lâm Đồng

Thời gian thực hiện: Năm 2009-2010

Chủ nhiệm đề tài: CN. Nghiêm Vũ Hà

Mục tiêu của đề tài nhằm đánh giá hoạt động cải cách hành chính (CCHC) trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; xác định những nội dung và lĩnh vực đã thực hiện công tác CCHC, đánh giá kết quả đạt được và những mặt hạn chế trong thực hiện công tác này. Qua đó phân tích, xác định nguyên nhân, hạn chế, ảnh hưởng đến công tác CCHC và đề xuất biện pháp khắc phục.

Đề tài đã tiến hành nghiên cứu, đánh giá hoạt động CCHC của tỉnh Lâm Đồng từ năm 2001-2009.

Đánh giá hoạt động cải cách hành chính của tỉnh giai đoạn 2001-2010

Đề tài đã tiến hành điều tra theo các nội dung:

(1) Công tác xây dựng, ban hành, rà soát văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL):

Đổi mới quy trình xây dựng và ban hành VBQPPL là một trong những nội dung quan trọng trong thực hiện cải cách thể chế theo Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2001-2010. Qua điều tra cho thấy từ năm 2001-2009, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 1.683 VBQPPL. Các cấp chính quyền tại địa phương đã tập trung thực hiện và có những đổi mới trong việc soạn thảo, ban hành VBQPPL tương đối kịp thời, tuân thủ đầy đủ quy trình, thủ tục theo quy định,... đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước bằng pháp luật ở địa phương.

Công tác rà soát, hệ thống hóa VBQPPL cũng được tiến hành thường xuyên. Trong các năm từ 2001-2009, đã tiến hành rà soát được 973 VBQPPL. Qua việc rà soát, hệ

thống VBQPPL của tỉnh được sửa đổi, bổ sung tương đối kịp thời, đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả pháp lý của văn bản ban hành.

(2) Công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

Đề tài đã tiến hành đánh giá công tác thực hiện rà soát, đơn giản hóa TTHC. Qua đó cho thấy, trong các năm từ 2003-2007, tỉnh đã rà soát, ban hành được 63 loại TTHC áp dụng theo cơ chế một cửa - đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, xác định rõ trách nhiệm cá nhân, rút ngắn thời gian giải quyết so với trước.

(3) Công tác cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước ở địa phương: tổ chức bộ máy cơ quan chuyên ngành thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước các cấp được sắp xếp, bố trí lại theo quy định của trung ương, cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước ở địa phương - đa ngành, đa lĩnh vực.

(4) Công tác đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức; cải cách tiền lương, các chế độ chính sách đối với cán bộ công chức, viên chức và công tác đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức.

(5) Công tác cải cách tài chính công: đổi mới công tác phân cấp quản lý, đảm bảo quyền quyết định ngân sách của hội đồng nhân dân các cấp, đổi mới cơ chế tài chính đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp,...

Qua khảo sát cho thấy, 10 năm qua tỉnh Lâm Đồng đã triển khai thực hiện một cách toàn diện các nội dung theo chương trình, kế hoạch CCHC của Chính phủ và đã đạt được

những kết quả quan trọng, làm chuyển biến căn bản hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; giảm phiền hà cho nhân dân, từng bước hình thành cơ chế của nền hành chính phục vụ.

Tuy nhiên, công tác CCHC của tỉnh còn một số tồn tại, hạn chế: Chất lượng, hiệu quả cải cách TTHC chuyển biến chậm. Nhiều TTHC chưa được đơn giản hóa, đặc biệt trong các lĩnh vực đất đai, đầu tư xây dựng, đền bù,... Cơ chế một cửa, một cửa liên thông chưa được thực hiện một cách nhất quán. Thực tế cho thấy, vẫn còn hiện tượng tổ chức/cá nhân phải đi lại nhiều nơi, nhiều lần; việc trả lại, yêu cầu bổ sung hồ sơ sau khi thẩm định và hẹn đi, hẹn lại nhiều lần vẫn còn khá phổ biến. Thái độ, tác phong phục vụ của đội ngũ cán bộ công chức (CBCC) có lúc, có nơi còn sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà,...

Một số nguyên nhân chính:

- CCHC là công việc phức tạp, đụng chạm đến lợi ích cục bộ của một bộ phận CBCC hành chính, một số ngành, cơ quan hành chính nhà nước nên trong quá trình triển khai thực hiện không tránh khỏi những biểu hiện trì trệ, thậm chí còn vấp phải những lực cản nhất định.

- Nhận thức về CCHC vẫn còn nhiều lúng túng, thiếu thống nhất, tư duy đổi mới trong quản lý nhà nước của CBCC, kể cả lãnh đạo chưa đáp ứng kịp yêu cầu của tình hình phát triển kinh tế - xã hội.

- Trách nhiệm của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chưa cao, chưa ngang tầm với đòi hỏi; công tác chỉ đạo thực hiện CCHC còn thiếu liên tục, chưa kiên quyết, nhất quán.

Nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả CCHC trong 5 năm tới của tỉnh Lâm Đồng

Trên cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng, dự báo tình hình, đề tài đề xuất tiếp tục thực hiện 6 nhiệm vụ CCHC trong 5 năm tới: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế; Đẩy mạnh cải cách TTHC; Cải cách tổ chức bộ máy hành chính; Đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ CBCC; Cải cách tài chính công; Hiện

đại hóa nền hành chính. Trong từng nhiệm vụ gắn với những biện pháp, cách làm và hệ thống giải pháp đồng bộ, cụ thể.

Những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm được đề tài đề xuất là: cải cách TTHC; xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ CBCC để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng hiệu quả CCHC trong 5 năm tới (2011 – 2015) của tỉnh Lâm Đồng.

Ngoài việc đề xuất những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để tiếp tục thực hiện CCHC trong 5 năm tới, đề tài cũng đã đề xuất 4 nhóm giải pháp lớn để nâng cao chất lượng, hiệu quả CCHC là: Tăng cường vai trò lãnh đạo của người đứng đầu; Nguồn lực thực hiện CCHC; Tăng cường sự giám sát, phản biện của xã hội; Thực hiện có trọng tâm, trọng điểm.

Những nhiệm vụ trước mắt cần thực hiện:

- Tập trung xây dựng quy định ban hành văn bản quy phạm pháp luật hàng năm sát với yêu cầu thực tế; hạn chế tối đa tình trạng bị động, tùy tiện. Nghiên cứu xây dựng, hình thành *cơ chế kiểm soát, theo dõi, thực thi văn bản quy phạm pháp luật*, tổ chức thực hiện thí điểm ở những ngành, lĩnh vực có nhiều bức xúc như đầu tư, đất đai, xây dựng,... để rút kinh nghiệm trước khi triển khai trên diện rộng.

- Thành lập tổ chức chuyên trách thực hiện kiểm soát TTHC trên cơ sở của Đề án 30 theo tinh thần Nghị định 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ. Quy định, cụ thể hóa việc thực hiện cơ chế tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính; bảo đảm có cơ chế đủ mạnh để chấn chỉnh những cơ quan và cá nhân CBCC gây khó khăn, phiền hà trong thực hiện giải quyết TTHC.

- Thực hiện thành công mô hình "*cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại*" tại Đà Lạt, Đức Trọng trong năm 2011; phấn đấu đến năm 2015, tất cả các cơ quan hành chính cấp tỉnh, huyện và 30% UBND cấp xã trong tỉnh thực hiện giải quyết TTHC theo mô hình nói trên.

(Xem tiếp trang 30)

BẢO TÀNG LÂM ĐỒNG, KÝ ỨC NAM TÂY NGUYÊN

THANH DƯƠNG HỒNG

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Lâm Đồng

Tọa lạc trên một ngọn đồi có vị trí cao nhất thành phố Đà Lạt (1.532 m) - thoáng đãng và yên tĩnh, Bảo tàng Lâm Đồng là một thiết chế văn hóa quan trọng của vùng đất Nam Tây Nguyên, nơi lưu giữ những giá trị văn hóa mang đậm bản sắc dân tộc độc đáo và lịch sử đấu tranh của một vùng đất anh hùng,...

Bản sắc văn hóa được lưu giữ, bảo tồn

Tháng 8/1975, bộ phận bảo tồn bảo tàng được thành lập, thuộc sự quản lý của Thành ủy Đà Lạt. Trải qua 35 năm tồn tại, thay tên gọi và nhiều lần đổi địa điểm, đến nay Bảo tàng Lâm Đồng được xây dựng tại ngôi dinh thự trước đây của điền chủ Nguyễn Hữu Hào (nhạc phụ vua Bảo Đại) trên đường Hùng Vương, phường 10 - Đà Lạt. Toàn bộ khuôn viên Bảo tàng có diện tích hơn 3.000 m². Năm 2007, Bảo tàng đã được đầu tư hàng chục tỷ đồng để xây dựng khu trưng bày mới có diện tích sử dụng hơn 1.400 m². Hiện nay, Bảo tàng Lâm Đồng đã trở thành một địa chỉ tham quan du lịch, nghiên cứu, vui chơi giải trí lành mạnh, thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước,...

Tại đây, nhà trưng bày đã tái hiện không gian văn hóa của người dân tộc bản địa với chiếc chiêng lớn (biểu trưng của văn hóa các dân tộc ở Tây Nguyên) cao gần chục mét, tạo ấn tượng ban đầu cho du khách. Bên trong các gian trưng bày, giới thiệu khái quát từng nét văn hóa, những hiện vật có giá trị vô giá về văn hóa và lịch sử. Qua một thời gian sưu tầm, đến nay Bảo tàng đã tuyển chọn và lưu giữ được những hiện vật có giá trị, phản ánh đời sống phong phú của các dân tộc trên vùng đất Nam Tây Nguyên với những chủ đề: thiên nhiên, đất nước và con người Đà Lạt - Lâm Đồng; Những phát hiện về khảo cổ học ở Lâm Đồng; Đặc trưng văn hóa các dân

tộc bản địa ở Lâm Đồng; Quân và dân Lâm Đồng qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ; Những thành tựu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay của người dân Lâm Đồng,...

Thông qua các mô hình và hiện vật, các sắc tộc có nguồn gốc cư trú lâu đời như người Cơ Ho, Mạ, Chu Ru hiện hữu rõ nét với những đặc thù riêng. Nhiều hiện vật được phát hiện, qua khai quật, nghiên cứu trong những năm trước đây tại vùng Cát Tiên, các địa bàn thuộc huyện Bảo Lâm, Di Linh, Lâm Hà, Lạc Dương,... như chum, chốe, rìu đá, đục bàn đập, khuôn đúc bằng đá, các loại nồi, vò, bình, nữ trang (vàng, bạc, đồng,...) cũng được trưng bày tại đây.

Khu trưng bày khảo cổ học có thể nói là "điểm nhấn" của Bảo tàng với các hiện vật như bộ đàn đá 12 thanh, được phát hiện năm 1997 tại huyện Di Linh có niên đại khoảng 3.000 đến 2.500 năm; bộ đàn đá 19 thanh, được phát hiện năm 2003 tại Bờ Nôm và bộ đàn đá B' Lao (phục chế) được phát hiện tại Bảo Lộc năm 1979,... có chạm khắc hình cánh hạc, hoa văn người xưa chế tác, thể hiện đời sống văn hóa và khả năng thẩm mỹ của cư dân bản địa đã có từ hàng ngàn năm trước.

Đặc biệt là những hiện vật được sưu tập từ khu di tích khảo cổ Cát Tiên - xây dựng bằng chất liệu gạch và đá cách đây khoảng 11 thế kỷ với rất nhiều hiện vật đồ đá, đồ gốm, đồ đồng, kim loại và vàng,... Nghiên cứu mô-típ cách bày trí và lối kiến trúc khu phế tích này có mối liên hệ mật thiết với nền văn minh Óc Eo và đạo Bà-la-môn giáo,... Dù rằng, đến nay các nhà nghiên cứu vẫn đang bỏ ngỏ kết luận với di tích khảo cổ này, song hàng ngàn hiện vật, hình ảnh mà Bảo tàng Lâm Đồng đang trưng bày và lưu giữ có giá trị không những cho thế hệ hôm nay mà còn cho cả thế

hệ mai sau tìm tòi, nghiên cứu, khám phá về nền văn hóa phong phú của cha ông,...

Nơi giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ

Một nội dung quan trọng có ý nghĩa giáo dục thế hệ trẻ; đồng thời cũng là “điểm nhấn” thứ hai của Bảo tàng Lâm Đồng là khu trưng bày, giới thiệu lịch sử đấu tranh hào hùng của nhân dân các dân tộc Lâm Đồng. Màng chuyên đề này trưng bày 03 nội dung chính: Những hình ảnh, hiện vật trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và tinh thần đấu tranh anh dũng của quân dân Lâm Đồng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Các hiện vật, hình ảnh đã tái hiện chính sách đàn áp, bóc lột dã man của thực dân Pháp; sự ra đời tổ chức Đảng cộng sản đầu tiên ở Đà Lạt - Lâm Đồng (4/1930); các phong trào yêu nước tiêu biểu - phong trào Mộ Cọ (do người đồng bào dân tộc thiểu số khởi xướng); hình ảnh về “Đội cảm tử Phan Như Thạch”; hình ảnh cuộc thảm sát đẫm máu chiến sĩ cách mạng tại suối Cam Ly,... Chuyên đề phản ánh thời kỳ đấu tranh chống đế quốc Mỹ ghi dấu những tội ác man rợ của kẻ thù qua những hình ảnh tra tấn, giết chóc, tù đày và tinh thần đấu tranh ngoan cường của nhân dân Lâm Đồng trên chiến trường Khu VI (cũ),... Bảo tàng đã gieo vào lòng người xem những cảm xúc về một giai đoạn bí hùng trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc.

Thời gian gần đây (từ năm 2007 - 2010), thực hiện chương trình phối hợp giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch về triển khai cuộc vận động “trường học thân thiện, học sinh tích cực”, Bảo tàng Lâm Đồng đã ưu tiên miễn phí vé tham quan đối với thiếu niên, học sinh, sinh viên. Trong 4 năm qua, đã có trên 20.000 lượt giáo viên, học sinh, sinh viên các trường đến tham quan Bảo tàng; đông nhất vào các dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước và trong các dịp hè, Tết,...

Để tạo không gian “mở”, tăng sức hấp dẫn du khách, nhất là khách nước ngoài và thanh thiếu niên, Bảo tàng Lâm Đồng đã xây dựng các dãy nhà sàn dân tộc, bổ sung nhiều trò chơi dân gian (bắn cung, ném còn, nhún đu, câu cá, đi cầu thăng bằng,...); xây dựng khu bảo tồn văn hóa truyền thống các cư dân bản địa trên diện tích gần 1.000 m² (với các làng nghề truyền thống: đan lát, dệt thô cầm, nghề gốm,...) và thường xuyên tổ chức các chương trình giao lưu văn hóa công chiêng, rượi cần giữa du khách với người Cơ Ho, Mạ bản địa,...

Hiện nay, Bảo tàng Lâm Đồng đã thực sự trở thành một trong những địa chỉ không thể thiếu trong các tour du lịch, các chuyến tham quan của du khách khi đến Đà Lạt,...

DÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH HIỆN NAY, GIẢI PHÁP NÂNG CAO...

(Tiếp theo trang 28)

- Kiện toàn, sắp xếp công việc phù hợp cho đội ngũ CBCC trực tiếp tham gia giải quyết các TTHC, đáp ứng yêu cầu năng lực và tác phong làm việc chuyên nghiệp, hiện đại; Mở rộng, hoàn thiện các quy trình giải quyết TTHC theo hướng ứng dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000, bảo đảm rõ ràng, minh bạch các quy trình giải quyết.

- Nghiên cứu xây dựng cơ cấu nhân sự có tính ổn định theo thời kỳ, dựa trên điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và tiến bộ của khoa học kỹ thuật. Đổi mới hình thức tuyển dụng công chức, tăng cường phân cấp cho sở, huyện chủ động tổ chức tuyển dụng công

chức khi có nhu cầu; tăng cường giám sát, kiểm tra của Sở Nội vụ,...

Đào tạo bồi dưỡng chuẩn hóa chức danh cán bộ lãnh đạo các cấp và CBCC. Chú trọng bồi dưỡng năng lực thực thi công vụ; đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, kiến thức quản lý nhà nước, trình độ tin học cho CBCC,...

Tăng cường sự giám sát, phản biện của xã hội đến hoạt động CCHC, phát huy vai trò của báo chí. Nâng cao chất lượng các hoạt động tiếp xúc của UBND tỉnh với doanh nghiệp, tiến tới việc thủ trưởng các đơn vị quản lý nhà nước cấp tỉnh, huyện tiếp xúc, giải trình thắc mắc, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp về giải quyết nhu cầu trong TTHC,...

NHỮNG CÂY HOA LÀM THUỐC

DS. NGUYỄN THỌ BIÊN

MƯỜI GIỜ

Còn gọi là cây hoa Mười giờ, bông Mười giờ.

Tên khoa học: Portulaca pilosa L.

Thuộc họ: Rau sam (Portulacaceae).

Cây gốc ở Brazil, Argentina; được trồng phổ biến tại vùng nhiệt đới làm cảnh.

Mô tả: Cây thuộc thảo sống hàng năm, mọc bò, thân mập, mọng nước, lá mập, hình dài. Cây ra hoa từ tháng 4-9, có nhiều màu (đỏ, hồng, trắng,...).

Bộ phận dùng: Toàn cây.

Công dụng: Cây hoa Mười giờ có vị chua, tính bình (có tính kháng sinh), lợi tiểu, giải độc; thường dùng làm thuốc trị nhiễm trùng đường ruột, kiết lỵ, trực tràng, ho. Liều dùng 30-50 g tươi thái nhỏ nấu canh ăn. Giã nát cây tươi lấy nước bôi ngoài, trị ghẻ ngứa, đinh nhọt.

Người ta còn dùng cây tươi nghiền nát lấy dịch chiết cho thêm muối ngâm chữa đau họng.

HỒNG ANH

Còn gọi là Coquelicot.

Tên khoa học: Papaver rhoeas L.

Thuộc họ: Thuốc phiện (Papaveraceae).

Cây có nguồn gốc ở vùng Bắc Mỹ, được trồng ở châu Âu, châu Á. Tuy cùng họ thuốc phiện nhưng Hồng anh không chứa chất gây nghiện. Hoa đẹp trồng làm cảnh.

Mô tả: Cây thuộc thảo, cao khoảng 60 cm, thân mọc thẳng, phân nhánh có lông, có mù trắng. Lá mọc đối. Hoa to, có cuống dài, có nhiều màu - trắng, hồng, đỏ tươi. Quả nang ngắn.

Bộ phận dùng: Toàn cây.

Thành phần hoá học: Cây chứa các alcaloid như rheadin, morphin, paramorphin.

Công dụng: Cây có tính an thần, gây ngủ, làm dịu cơn ho, làm ra mồ hôi. Dùng trị mất ngủ, chữa ho bằng cách sắc nước uống.

Ở Ấn Độ, người dân dùng lá và hạt Hồng anh uống để giảm sốt; ở Tuynidi, người dân nghiền thành bột khô uống để chữa khi chảy máu cam.

LỰU

Tên khoa học: Punica granatum L.

Thuộc họ: Lựu (Punicaceae).

Cây lựu có nguồn gốc ở Tây Á, được trồng nhiều ở Bắc Phi. Ở nước ta, nhiều nơi trồng lựu làm cảnh.

Mô tả: Cây nhỏ, cao từ 5-6 m, thân cây thường sần sùi màu xám. Lá đơn, mọc đối. Hoa mọc ở ngọn cành, cánh hoa màu đỏ chói. Quả mọng có vỏ dày, hạt tròn. Mùa hoa tháng 5-6, mùa quả từ tháng 7-8.

Bộ phận dùng: Vỏ quả, vỏ rễ, hoa, thịt quả.

Thành phần hoá học: Vỏ rễ chứa tanin 2% và 0,5-0,7% alcaloid toàn phần trong đó có Pelletierin, Isopelletierin, Methyl pelletierin và Pseudo pelletierin. Pelleterin và Isopelltierin có tác dụng trị sán. Vỏ quả chứa Granatin, acid Betulic, acid Ursolic và Isoquercetin. Dịch quả chứa acid Citric, acid Malic và các chất đường Glucose, Fructose, Maltose.

Công dụng: Vỏ quả vị chua, chát, tính ấm được dùng để trị ỉa chảy, lỵ ra máu, đái ra máu, băng huyết, đau bụng giun, ngày dùng 10-30 g dạng thuốc sắc. Vỏ thân, vỏ rễ dùng trị giun sán, ngày dùng từ 20-50 g dạng thuốc sắc. Vỏ có độc, dùng cẩn thận. Dịch quả được dùng cải thiện việc máu lưu thông để ngăn ngừa nguy cơ đau tim. Trong lựu có chứa chất ngăn chặn sự tăng trưởng của tế bào ung thư. ■

HỢP THƯ CỘNG TÁC VIÊN

Trong thời gian qua, Bản tin Thông tin Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng đã nhận được tin, bài của các tác giả: Quán Hành Quân, Dương Ngọc Đức, Hoàng Thị Kim Cúc, Đoàn Bích Ngọc, Nguyễn Văn Lâm, Nguyễn Anh Hùng, Nguyễn Thọ Biên, Hoàng Bích Hà,...

Ban biên tập chân thành cảm ơn sự cộng tác nhiệt tình của các cộng tác viên. Tin, bài các bạn gửi đến, chúng tôi sẽ xem xét và sắp xếp để sử dụng phù hợp với chủ đề của Bản tin vào thời gian thích hợp nhất.

Bản tin Thông tin Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng số 4 năm 2011 tập trung vào chủ đề Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp theo chiều sâu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Rất mong nhận được sự cộng tác nhiệt tình của các bạn.

Địa chỉ liên hệ: Phòng Thông tin và Thống kê Khoa học Công nghệ

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng - 35 Trần Hưng Đạo, Đà Lạt

Điện thoại: 0633 833163 - Fax: 0633 824941 - Email: tapsan@dalat.gov.vn

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG QUÝ III

* Hội nghị giao ban khoa học và công nghệ vùng Đông Nam Bộ lần thứ XI

Tháng 5 vừa qua, tại thành phố Phan Thiết - tỉnh Bình Thuận, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đã phối hợp với Sở KH&CN tỉnh Bình Thuận tổ chức Hội nghị giao ban hoạt động KH&CN vùng Đông Nam Bộ (Bình Thuận, thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Lâm Đồng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước) lần thứ XI.

Hội nghị nhằm đánh giá hoạt động và đóng góp của KH&CN với việc phát triển kinh tế - xã hội, trao đổi kinh nghiệm về tổ chức, quản lý hoạt động KH&CN trong vùng; đưa ra định hướng, giải pháp thúc đẩy phát triển nhằm khai thác tiềm năng và thế mạnh của vùng.

Theo báo cáo của Bộ KH&CN cho thấy, năm 2009 - 2010 hoạt động KH&CN trong vùng đã có những chuyển biến tích cực; tổng kinh phí sự nghiệp KH&CN cân đối qua ngân sách địa phương cho 8 tỉnh/thành trong vùng là 498,904 tỷ đồng; triển khai 832 đề tài, dự án thuộc các lĩnh vực: khoa học tự nhiên, xã hội - nhân văn, công nghiệp, y dược, ... Công tác quản lý công nghệ, tổ chức và tham gia thẩm định công nghệ các dự án đầu tư, hợp đồng chuyển giao công nghệ; tuyên truyền hoạt động an toàn bức xạ; hoạt động sở hữu trí tuệ, phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, ... đang được đẩy mạnh. Tuy nhiên, hoạt động KH&CN trong vùng vẫn còn một số khó khăn, hạn chế như: đội ngũ cán bộ KH&CN còn thiếu, chưa quy tụ được các chuyên gia đầu ngành có trình độ cao; quá trình đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp còn chậm, tính ứng dụng của các công trình nghiên cứu chưa nhiều, ...

Phát biểu kết luận Hội nghị, đồng chí Nguyễn Quân - Ủy viên Trung ương Đảng - Thứ trưởng Thường trực Bộ KH&CN đã nhấn mạnh về công tác xây dựng hành lang pháp lý, định hướng chiến lược và hình thành các chương trình KH&CN cấp nhà nước, nhắc nhở các địa phương chủ động xây dựng kế hoạch KH&CN cho giai đoạn tới với phương châm khai thác hiệu quả các tiềm năng thế mạnh, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương. Thứ trưởng cũng ghi nhận những đề xuất, kiến nghị và giao nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị chức năng của Bộ nghiên cứu, giải quyết.

* Triển khai kế hoạch khoa học và công nghệ năm 2012

Triển khai việc xây dựng kế hoạch KH&CN của năm 2012, Sở KH&CN tỉnh Lâm Đồng đã tiếp nhận 140 đề xuất nhiệm vụ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh.

Sau khi xin ý kiến của các ngành, Sở đã lựa chọn được 19 đề xuất, trình hội đồng xác định nhiệm vụ của tỉnh xem xét. Đến nay, các hội đồng KH&CN đã lựa chọn và đề nghị đưa vào kế hoạch 2012 gồm 17 nhiệm vụ trình UBND tỉnh phê duyệt, trong đó, chương trình KH&CN phục vụ công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn có 9 nhiệm vụ; Chương trình KH&CN phục vụ công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp có 2 nhiệm vụ; Chương trình KH&CN phục vụ du lịch, nghỉ dưỡng có 1 nhiệm vụ; Chương trình KH&CN phục vụ giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực KH&CN có 2 nhiệm vụ; Chương trình nghiên cứu trong khoa học xã hội - nhân văn và khoa học quản lý có 1 nhiệm vụ; Chương trình ứng dụng các thành tựu KH&CN trong điều tra cơ bản, khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường có 2 nhiệm vụ.

* **Mô hình khung Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 trong các cơ quan hành chính nhà nước** là nội dung lớp tập huấn được Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở KH&CN phối hợp với Công ty TNHH Tư vấn Quản lý I.M.C.C tổ chức ngày 14/6/2011.

Hơn 50 đại biểu là đại diện lãnh đạo và thư ký ISO của các cơ quan hành chính cấp tỉnh, huyện đã được nghe giới thiệu kết quả thực hiện Quyết định 118/2009/QĐ-TTg ngày 30/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 11/4/2007 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Đến nay, đã có 39/45 đơn vị hành chính trong tỉnh được cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2000 và TCVN ISO 9001:2008; 2/45 đơn vị đang triển khai áp dụng; 4/45 đơn vị chưa triển khai áp dụng; 5 đơn vị mới thành lập sau khi có Quyết định số 1119/QĐ-UBND nên chưa xây dựng, áp dụng.

Đồng thời, các đại biểu cũng được nghe giới thiệu khái quát một số nội dung cơ bản của *Mô hình khung Hệ thống quản lý chất lượng cho các loại hình cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương*, mối quan hệ giữa Mô hình khung với các thủ tục hành chính công bố theo Đề án 30 của UBND tỉnh Lâm Đồng; cách duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng, đồng thời kết hợp mở rộng phạm vi áp dụng và chuyển đổi từ mô hình cũ sang mô hình khung của Bộ KH&CN.

Thông qua tập huấn, các đại biểu đã nắm được nội dung cơ bản trong Mô hình khung để từ đó định hướng hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng của đơn vị mình theo quy định chung. ■

Một số hình ảnh

HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUÝ III NĂM 2011



Hội nghị sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết 22-NQ/TW của BCHTW và Chỉ thị 10-CT/TW của Ban Bí thư (khoá X)



Hội nghị học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng



Sơ kết hoạt động công đoàn 6 tháng đầu năm 2011



Hội nghị giao ban hoạt động khoa học và công nghệ vùng Đông Nam Bộ lần thứ XI



Hội nghị giao ban nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp huyện 6 tháng đầu năm 2011



Một số hình ảnh

ĐOÀN LÂM ĐỒNG THAM GIA CHỢ CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ
VÙNG NAM TRUNG BỘ - TÂY NGUYÊN - TECHMART QUẢNG NAM 2011

